



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

03/02/2025 – 07/02/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

THƯƠNG CHIẾN ĐÃ BẮT ĐẦU, BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG GIA TĂNG

- Chứng khoán Mỹ khép lại một tuần giao dịch đầy biến động, từ cú sốc mang tên DeepSeek cho đến mối lo về thuế quan và báo cáo tài chính của các công ty niêm yết khiến các chỉ số như S&P 500 và Nasdaq giảm lần lượt 1% và 1,6% trong khi Dow Jones giằng co và chỉ nhích nhẹ 0,3%, bên cạnh đó cổ phiếu Nvidia giảm khoảng 16% cả tuần. Giới đầu tư lo ngại thế giới sắp bước vào một cuộc chiến tranh thương mại mới, với các hàng rào thuế quan dằng dặc và áp lực lạm phát gia tăng trên toàn cầu đã đẩy giá vàng liên tiếp lập kỷ lục và chốt tuần ở trên ngưỡng 2.800 USD/oz. Đồng yên Nhật Bản cũng phát huy vai trò “hầm trú ẩn” trong bối cảnh mối lo ngại về thuế quan dằng dặc.
- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giữ nguyên lãi suất sau 3 lần giảm, trong khi Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) giảm lãi suất lần thứ 5, ngân hàng Canada cắt giảm lãi suất lần thứ 6 liên tiếp. Kinh tế Mỹ giảm tốc nhưng còn vững, trong khi kinh tế châu Âu đuối sức rõ rệt và kinh tế Trung Quốc phát đi tín hiệu đáng lo ngại. Cũng trong tuần vừa qua, cuộc chiến thương mại đã chính thức bắt đầu khi Ông Trump áp thuế quan 25% lên hàng nhập khẩu từ Canada và Mexico và 10% lên hàng hóa từ Trung Quốc. Canada đã đáp trả khi áp thuế 25% lên hàng hóa Mỹ, trong khi Mexico cũng chuẩn bị trả đũa, giới đầu tư đang xem động thái từ Trung Quốc tuần này.
- Thị trường trong nước tăng liên 2 tuần liên tiếp sau nhịp điều chỉnh về vùng 1.220 điểm, chốt tuần trước Tết nguyên Đán, chỉ số Vn-Index dừng ở 1.265,05 điểm. Một số nhóm cổ phiếu tăng một mạch 2 tuần liên như: Ngân hàng, chứng khoán, Bán lẻ, Logistics, Cao su tự nhiên, Viettel, Công nghệ, v.v... Với 2 tuần phục hồi trên diện rộng, khối ngoại cũng tranh thủ mua ròng ở 2 phiên cuối tuần lần lượt 169 tỷ đồng và 618 tỷ đồng, lũy kế cả tuần mua ròng 98 tỷ đồng.
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 13.223 tỷ đồng, tăng 8,9% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng 15% lên 10.957 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản toàn thị trường tháng 1 chỉ đạt 12.827 tỷ đồng, giảm 30,25% so với cùng kỳ và cũng giảm 22,31% so với tháng 12/2024.
- Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index đã lấy lại hơn 45 điểm trong 2 tuần vừa qua, vượt qua các ngưỡng trung bình quan trọng như MA50, MA100 và MA200 nhưng phía trước là mức cản nơi có mặt của trendline giảm giá kể từ tháng 10/2024. Với mức thanh khoản ở tháng 1 vừa qua chỉ dao động ở vùng 12.000 – 13.000 tỷ đồng/phiên, xác suất để thị trường có phiên bùng nổ để vượt cản là thấp mặc dù đang có chuỗi tăng 2 tuần liên tiếp. Bên cạnh đó, với áp lực chốt lời cũng sẽ diễn ra sau 2 tuần cổ phiếu phục hồi trên diện rộng. Kịch bản cơ bản là chỉ số Vn-Index test lại vùng hỗ trợ 1.250 – 1.257 điểm, nơi có mặt của các đường trung bình quan trọng.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán (20/01 – 24/01)

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	872.91	2.07%	2.50%	3.75%	18.96%
Dow Jones	44,424.25	2.15%	3.33%	4.42%	16.57%
S&P 500	6,101.24	1.74%	2.18%	3.73%	24.74%
Europe	530.08	1.23%	4.52%	4.42%	9.56%
Japanese	39,962.50	3.93%	-0.79%	0.17%	11.78%
Korea	2,536.80	0.53%	5.49%	5.72%	2.35%
China	3,252.63	0.33%	-4.34%	-2.96%	11.77%
HongKong	20,066.19	2.46%	-0.12%	0.03%	25.79%
Taiwan	23,525.41	1.63%	1.07%	2.13%	30.73%
Indian	23,092.20	-0.48%	-3.03%	-2.34%	8.15%
Singapore	3,804.26	-0.17%	0.87%	0.44%	20.41%
Malaysia	1,573.73	0.45%	-3.34%	-4.18%	4.48%
Indonesia	7,166.06	0.16%	1.84%	1.22%	0.41%
Thailand	1,354.07	1.00%	-3.38%	-3.30%	-1.03%
Philippine	6,296.20	-0.88%	-3.56%	-3.56%	-5.83%
Vietnam	1,265.05	1.28%	-0.79%	-0.14%	7.60%
Brent Oil	78.50	-2.83%	5.84%	5.17%	-6.04%
Crude Oil WTI	74.66	-4.13%	6.38%	4.79%	-4.11%
Gold	2,778.90	1.10%	6.13%	5.22%	37.75%
S&P 500 VIX	14.85	-7.01%	-6.90%	-14.41%	11.99%
Dollar Index	107.25	-1.79%	-0.50%	-0.97%	3.89%
U.S. 10Y	4.62	-0.13%	-0.29%	0.96%	11.52%
U.S. 2Y	4.26	-0.48%	-1.55%	0.58%	-2.21%

Nguồn: Update 26/01, Investing, MBS Research

- Phiên giảm này chấm dứt chuỗi 4 phiên tăng trước đó của cả ba chỉ số. Tuy nhiên, tuần này vẫn là tuần tăng thứ hai liên tiếp của chứng khoán Mỹ, cho thấy xu hướng thị trường giá lên đã quay trở lại sau đợt suy yếu hồi tháng 12. S&P 500 và Nasdaq tăng 1,7% mỗi chỉ số trong tuần, trong khi Dow Jones tăng 2,2%. Hôm thứ Năm, S&P 500 đóng cửa ở mức cao nhất mọi thời đại. Dù vậy, tâm lý chung của giới đầu tư cổ phiếu ở Phố Wall vẫn là lạc quan về các chính sách thân thiện với kinh doanh của ông Trump, bao gồm giảm thuế trong nước và nới lỏng các quy chế giám sát.
- Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) ngày 24/1 tăng lãi suất chính sách 0,25 điểm phần trăm lên mức 0,5%, cao nhất kể từ năm 2008. Đợt tăng lãi suất thứ ba trong vòng 10 tháng trở lại đây là một bước đi nữa của BOJ nhằm bình thường hóa chính sách tiền tệ trong bối cảnh có những dấu hiệu của lạm phát bền vững và tiền lương tiếp tục tăng.
- Hôm thứ Năm, trong bài phát biểu trực tuyến trước các nhà lãnh đạo thế giới đang dự chuỗi sự kiện thường niên của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) ở Davos, Thụy Sĩ, ông Trump nói sẽ “yêu cầu giảm lãi suất ngay lập tức”. Ngoài ra, ông cũng tuyên bố sẽ đề nghị Saudi Arabia và các thành viên khác trong Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC) hạ giá dầu xuống.
- Cả tuần, giá dầu Brent giảm 2,83% và giá dầu WTI giảm 4,13%, chấm dứt chuỗi 4 tuần tăng liên tiếp trước đó.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	869.04	-0.44%	3.47%	3.29%	17.37%
Dow Jones	44,544.66	0.27%	5.08%	4.70%	15.24%
S&P 500	6,040.53	-1.00%	2.93%	2.70%	21.82%
Europe	539.54	1.79%	5.65%	6.29%	11.49%
Japanese	39,607.00	-0.81%	-0.72%	-0.72%	9.54%
Korea	2,517.37	-0.77%	4.94%	4.91%	-3.74%
China	3,250.60	-0.06%	-0.37%	-3.02%	19.06%
HongKong	20,225.11	0.79%	3.07%	0.82%	30.20%
Taiwan	23,525.41	0.00%	3.04%	2.13%	30.26%
Indian	23,482.15	1.69%	-2.92%	-0.69%	7.45%
Singapore	3,855.82	1.36%	1.45%	1.80%	21.26%
Malaysia	1,556.92	-1.07%	-4.65%	-5.20%	2.66%
Indonesia	7,109.20	-0.79%	-0.75%	0.41%	-1.79%
Thailand	1,314.50	-2.92%	-4.74%	-6.12%	-5.03%
Philippine	5,862.59	-6.89%	-10.50%	-10.20%	-12.59%
Vietnam	1,265.05	0.00%	-0.37%	-0.14%	7.89%
Brent Oil	75.67	-2.42%	-0.34%	1.38%	-2.15%
Crude Oil WTI	72.53	-2.85%	0.04%	1.80%	0.32%
Gold	2,835.00	1.51%	6.22%	7.35%	38.71%
S&P 500 VIX	16.43	10.64%	-8.37%	-5.30%	18.63%
Dollar Index	108.22	0.91%	-0.91%	-0.07%	4.28%
U.S. 10Y	4.54	-1.61%	-0.42%	-0.66%	12.88%
U.S. 2Y	4.21	-1.32%	-0.91%	-0.74%	-3.82%

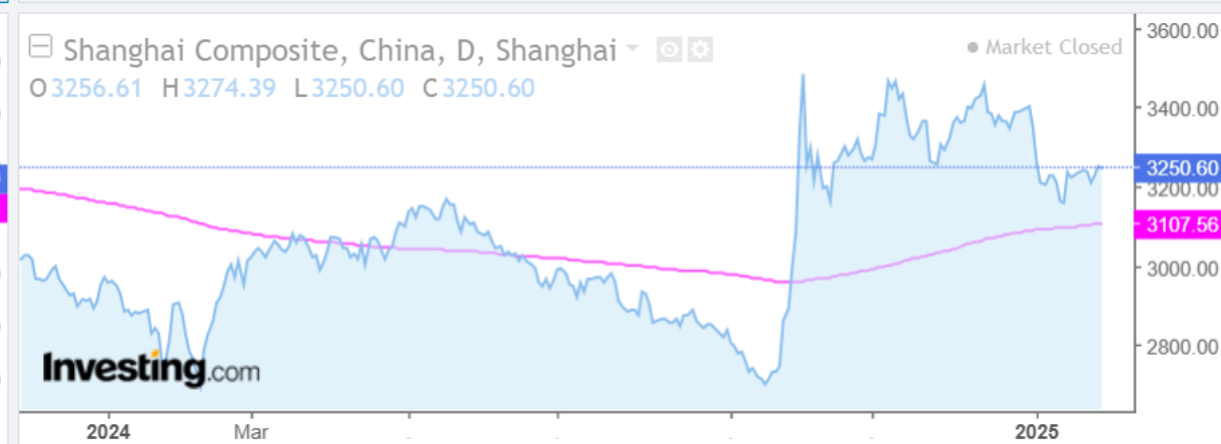
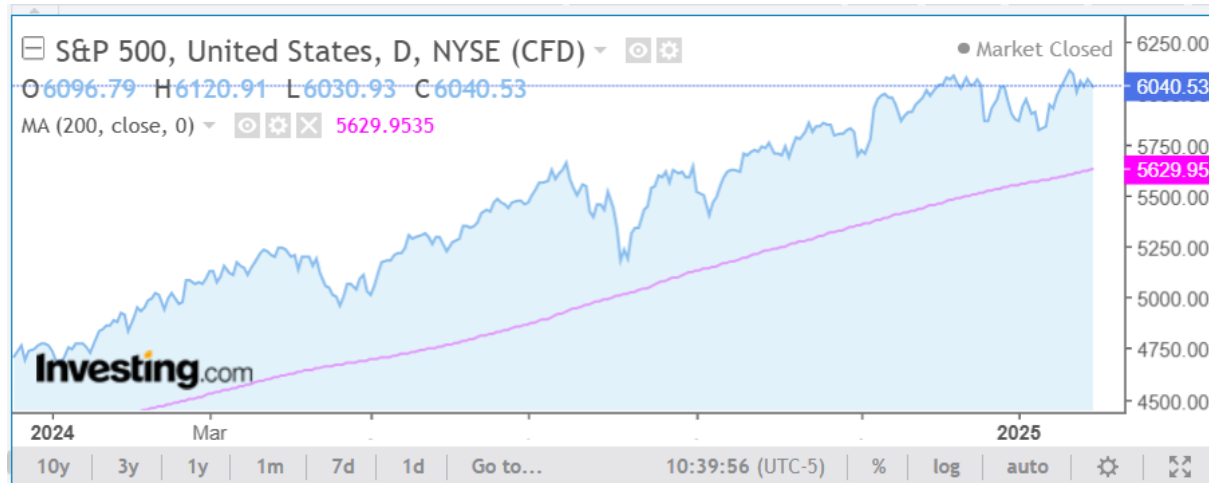
Nguồn: Update 31/01, Investing, MBS Research

- Chứng khoán Mỹ khép lại một tuần giao dịch đầy biến động: Hôm thứ Hai, thị trường bán tháo do tin startup DeepSeek của Trung Quốc phát triển được một ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có chi phí chỉ bằng một phần nhỏ so với các mô hình hiện có. Sau đó, mối lo về thuế quan và báo cáo tài chính của các công ty niêm yết tiếp tục khiến các chỉ số giằng co.
- Cả tuần, Nasdaq giảm 1,6%, trong khi S&P 500 giảm 1% và Dow Jones tăng 0,3%. Giảm 17% trong phiên ngày thứ Hai, cổ phiếu Nvidia giảm khoảng 16% cả tuần. Phiên ngày thứ Sáu cũng là phiên giao dịch cuối cùng của tháng 1, với cả ba chỉ số cùng tăng trong tháng. S&P 500 tăng 2,7%, Nasdaq tăng 1,6% và Dow Jones vượt trội với mức tăng 4,7%.
- Số liệu thống kê công bố ngày thứ Sáu cho thấy chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ưa chuộng - tăng 0,3% so với tháng 11 và tăng 2,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức tăng cả năm này phù hợp với dự báo nhưng cao hơn mức tăng 2,4% của tháng trước. Không tính giá năng lượng và thực phẩm, PCE lõi tăng 0,2% trong tháng và 2,8% cả năm - mức tăng cao hơn nhiều so với mục tiêu lạm phát 2% của Fed.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu giảm tuần thứ 2 liên tiếp, hợp đồng dầu Brent và dầu WTI lần lượt giảm 2,42% và 2,85%.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



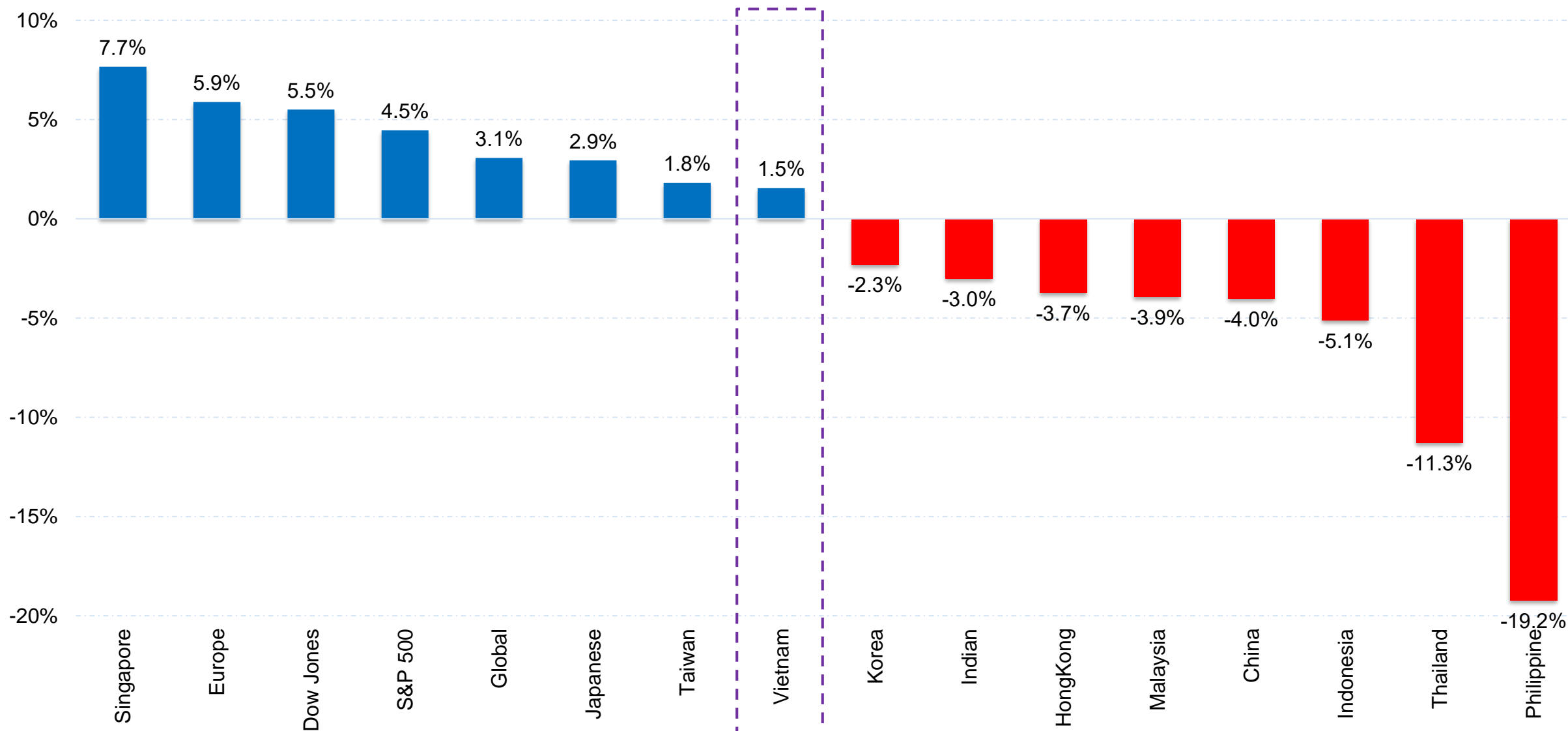
Các chỉ số chính của các thị trường chứng khoán trên thế giới



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Hiệu suất của các thị trường chứng khoán kể từ cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ (5/11/2024)



Cuộc chiến thương mại đã bắt đầu

Tổng thống Trump đã chính thức ký lệnh áp thuế 25% đối với Canada và Mexico và thuế 10% đối với Trung Quốc. Riêng với tài nguyên năng lượng từ Canada, mức thuế được áp dụng là 10%. Đáng chú ý, sắc lệnh không nêu rõ tiêu chí về thời điểm dỡ bỏ thuế quan. Thay vào đó, nó bao gồm điều khoản trả đũa nếu bất kỳ quốc gia nào có hành động đáp trả dưới bất kỳ hình thức nào, là dấu hiệu cho thấy khả năng tăng thuế quan trong tương lai. Các mức thuế mới dự kiến sẽ có hiệu lực ngày 04/02.

Chưa hết, ông Trump còn tuyên bố sẽ mở rộng danh sách áp thuế sang nhiều mặt hàng khác như chip vi xử lý, dầu khí, thép, nhôm, đồng và dược phẩm. Ông cũng khẳng định sẽ "chắc chắn" áp thuế lên Liên minh châu Âu (EU).

Mối quan ngại về thuế quan được dự đoán sẽ vượt quá mức cao năm 2018



TRUMP PROPOSED TARIFFS

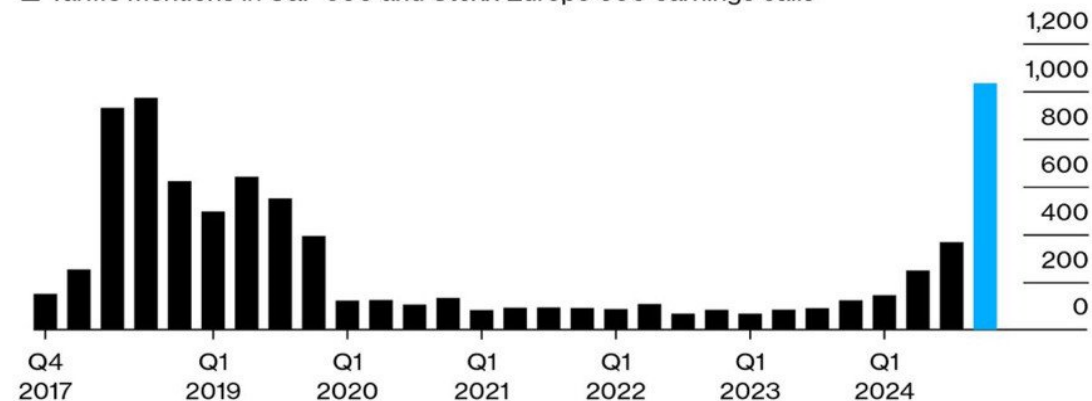
- **25% TAX ON PRODUCTS FROM CANADA AND MEXICO**
- **AN ADDITIONAL 10% TARIFF ON GOODS FROM CHINA**

TRUMP: TARIFFS ON DAY ONE

Tariffs Concerns Projected to Exceed 2018 Levels

Mentions of tariffs during earnings calls are rising

■ Tariffs mentions in S&P 500 and Stoxx Europe 600 earnings calls



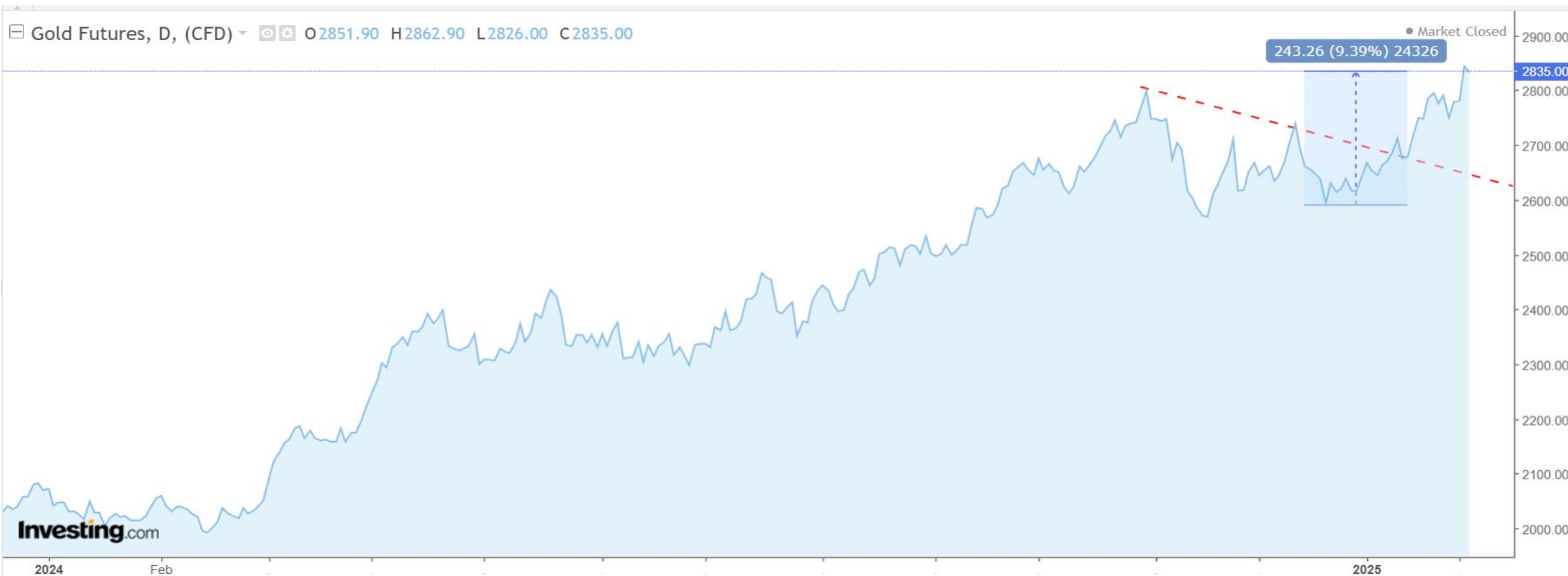
Source: Bloomberg

Note: Tariffs and synonyms mentions during calls, as of Jan. 30. *4Q24 is projection for entire season based on current mentions

Bloomberg

Giá vàng liên tiếp lập kỷ lục vì nỗi lo thuế quan

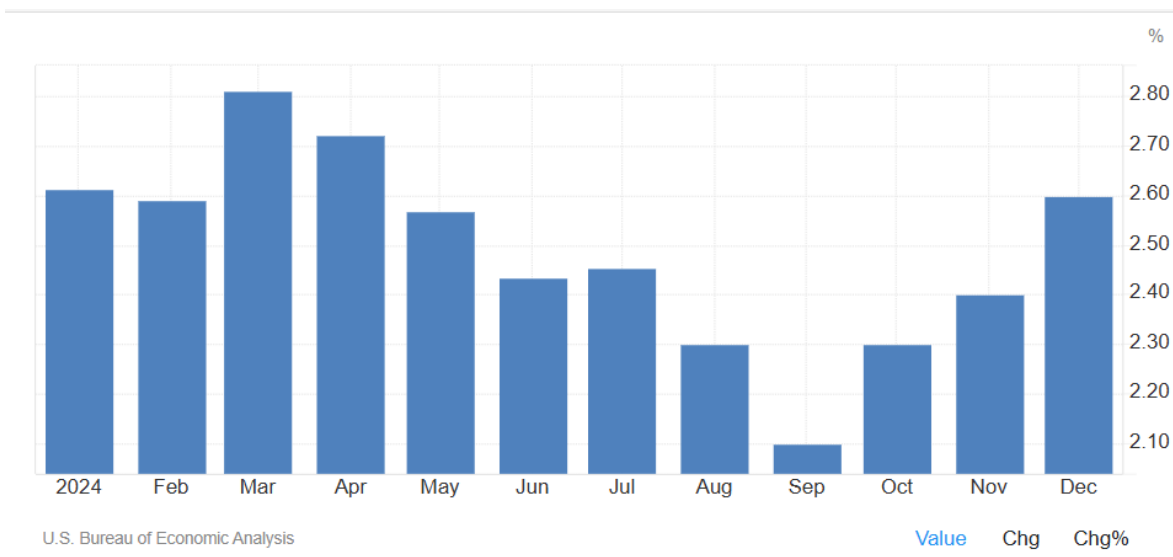
Giá vàng giao ngay đóng cửa trên mức chủ chốt 2.800 USD/oz trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (31/1) do nhu cầu phòng ngừa rủi ro của giới đầu tư khi kế hoạch thuế quan của Tổng thống Donald Trump đẩy cao mối lo ngại về tăng trưởng kinh tế và áp lực lạm phát trên toàn cầu. Giới đầu tư lo ngại thế giới sắp bước vào một cuộc chiến tranh thương mại mới, với các hàng rào thuế quan dằng dặc và áp lực lạm phát gia tăng trên toàn cầu. Vàng - một tài sản an toàn - thường được ưa chuộng vào những thời điểm có nhiều rủi ro kinh tế và địa chính trị như thế này. Tháng 1 vừa qua, giá vàng giao ngay tăng hơn 7%, nối tiếp chuỗi kỷ lục hơn 40 lần của năm ngoái.



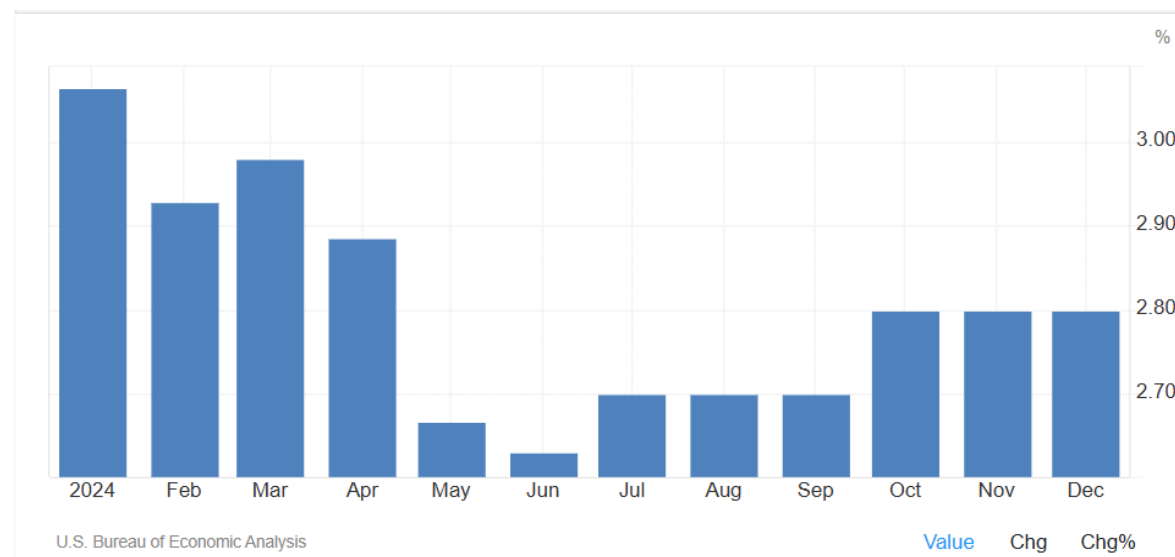
Thước đo lạm phát yêu thích của Fed tăng 2,8%, khớp dự báo

Số liệu thống kê cho thấy trong tháng 12/2024, chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ưa chuộng - tăng 0,3% so với tháng 11 và tăng 2,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức tăng cả năm này phù hợp với dự báo nhưng cao hơn mức tăng 2,4% của tháng trước, dẫn tới lo ngại rằng lạm phát còn dai dẳng và củng cố khả năng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ giảm lãi suất chậm hơn trong năm nay. Không tính giá năng lượng và thực phẩm, PCE lõi tăng 0,2% trong tháng và 2,8% cả năm - mức tăng cao hơn nhiều so với mục tiêu lạm phát 2% của Fed. Kể từ tháng 2/2021 đến nay, chỉ số giá - thước đo quan trọng nhất về sức nóng của nền kinh tế - vẫn chưa một lần chạm ngưỡng kỳ vọng này. Trong bối cảnh đó, Fed đã có động thái thận trọng khi đồng thuận giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 4.25%-4.5%. Quyết định này được đưa ra sau ba đợt cắt giảm liên tiếp với tổng mức giảm một điểm phần trăm, cho thấy cơ quan này đang muốn quan sát kỹ hơn diễn biến kinh tế trước khi có những bước đi tiếp theo.

Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE)



Chỉ số giá tiêu dung cá nhân (PCE) lõi



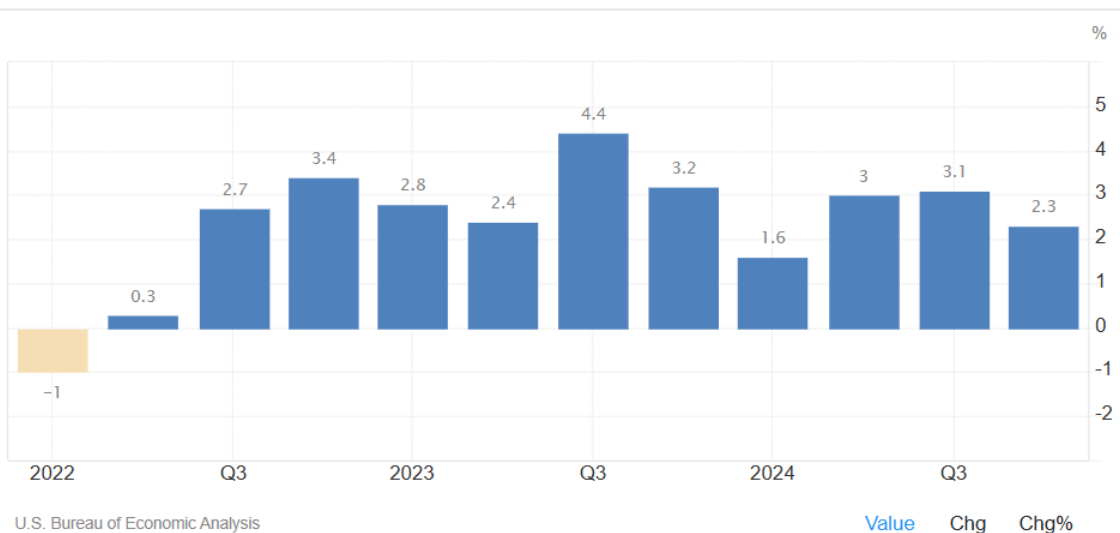
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Tốc độ tăng trưởng kinh tế quý 4 của Mỹ giảm mạnh hơn so với dự báo

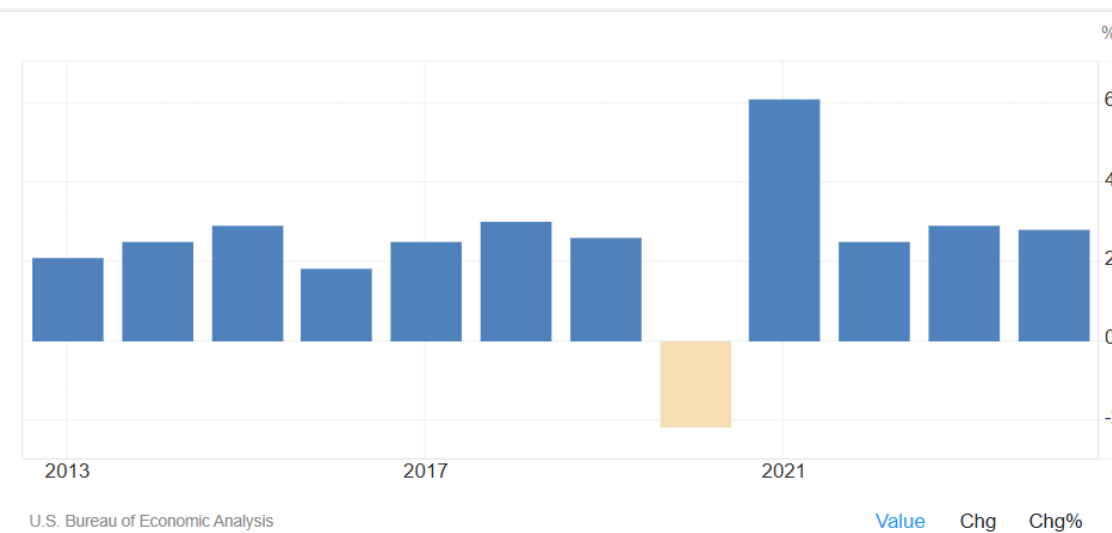
Báo cáo do Cục Phân tích kinh tế (BEA) thuộc Bộ Thương mại Mỹ công bố ngày 30/1 cho thấy tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm 2,3% sau khi đã tính đến các yếu tố mùa vụ và lạm phát. Mức tăng trưởng này thấp hơn con số dự báo tăng 2,4% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát do công ty dữ liệu FactSet thực hiện, đồng thời giảm tốc mạnh so với mức tăng 3,1% đạt được trong quý 3.

Cả năm 2024, nền kinh tế lớn nhất thế giới tăng trưởng 2,8%, thấp hơn so với mức tăng 2,9% của năm 2023. Dù đã giảm tốc vào cuối năm 2024 và mức tăng cả năm cũng chậm lại so với năm trước, nền kinh tế Mỹ vẫn giữ được nhịp tăng trưởng mạnh với mức tăng đạt trên 2% - ngưỡng tăng trưởng được xem là điển hình đối với các nền kinh tế phát triển.

Tăng trưởng GDP theo quý



Tăng trưởng GDP theo năm



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Thị trường việc làm Mỹ vượt xa dự báo trong tháng 12, Fed khó giảm lãi suất sớm

Theo báo cáo từ Bộ Lao động Mỹ, khu vực phi nông nghiệp của nước này có 256.000 công việc mới trong tháng 12, cao hơn nhiều so với con số 155.000 công việc mới mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Dow Jones. Tỷ lệ thất nghiệp giảm về mức 4,1%, thay vì duy trì ở mức 4,2% như dự báo.

Một tín hiệu đáng mừng là áp lực lạm phát từ chi phí nhân công đang có dấu hiệu hạ nhiệt trong tháng 12. Tiền lương bình quân theo giờ tăng 0.3% so với tháng trước, phù hợp với dự báo. Nếu xét trong 12 tháng, tiền lương bình quân theo giờ tăng 3.9%, thấp hơn kỳ vọng của thị trường.

Nhìn lại cả năm 2024, dù thị trường lao động tạo việc làm mới đều đặn qua từng tháng nhưng diễn biến không ổn định đã nhiều lần làm dấy lên lo ngại về nguy cơ suy thoái. Tuy vậy, những số liệu tích cực trong hai tháng cuối năm đã phần nào xoa tan những lo ngại này, đồng thời đặt ra thách thức mới cho Fed trong việc cân đối giữa kiểm soát lạm phát và duy trì đà tăng trưởng kinh tế.

Monthly job creation in the U.S.

January 2022–December 2024

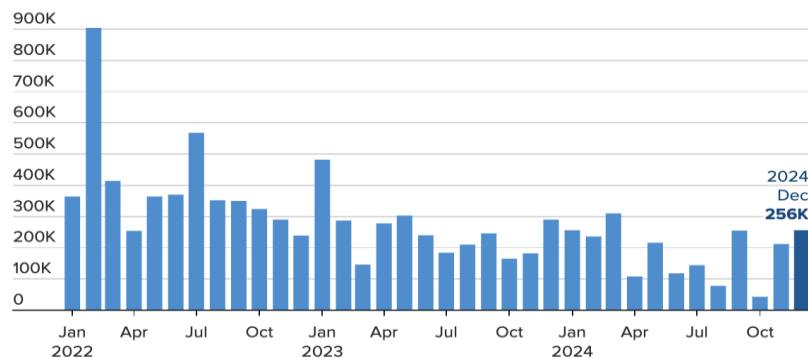


Chart: Gabriel Cortes / CNBC
Source: U.S. Bureau of Labor Statistics via FRED
Data as of Jan. 10, 2025



U.S. unemployment rate

January 2021–December 2024



Chart: Gabriel Cortes / CNBC
Source: U.S. Bureau of Labor Statistics
Data as of Jan. 10, 2025



U.S. wage growth

Year-over-year percent change in average hourly earnings | January 2022–December 2024



Note: All employees on private nonfarm payrolls
Chart: Gabriel Cortes / CNBC
Source: U.S. Bureau of Labor Statistics
Data as of Jan. 10, 2025

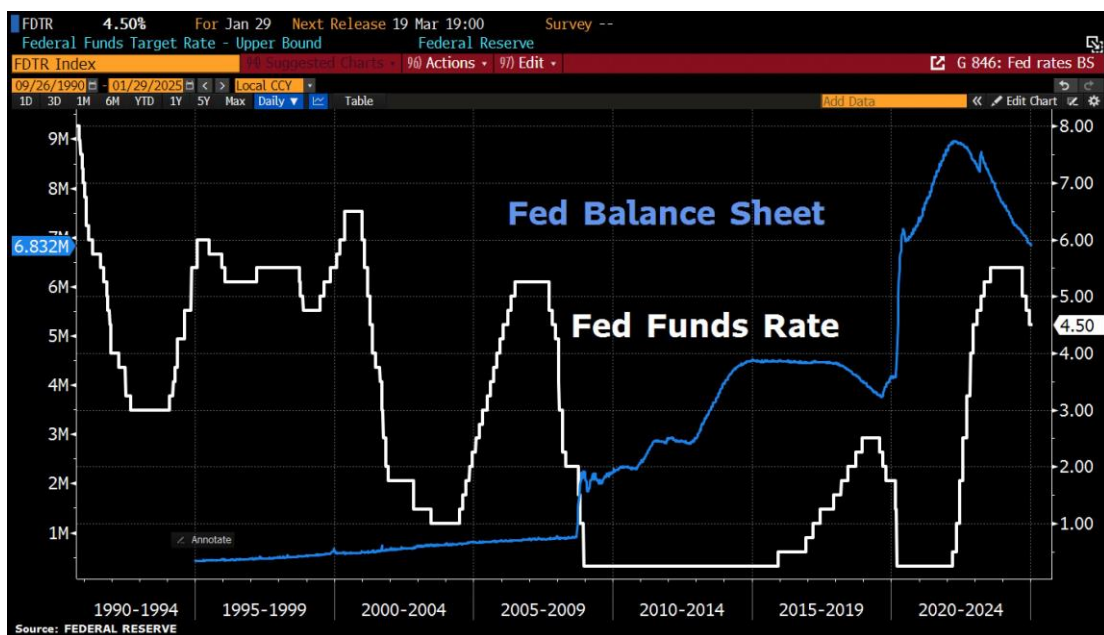


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Fed giữ nguyên lãi suất, bớt tự tin về lạm phát

Kết thúc cuộc họp chính sách tiền tệ đầu tiên của năm 2025, Fed giữ nguyên lãi suất quỹ liên bang ở khoảng 4,25-4,5%. Trong tuyên bố sau cuộc họp, Fed đưa ra quan điểm thận trọng hơn về sự dai dẳng của lạm phát như một cách giải thích cho quyết định “án binh bất động” của mình. Tuy nhiên, việc Fed không thay đổi lãi suất trong lần họp này đã được thị trường tài chính dự trù từ trước.

Cuối năm ngoái, Fed đã giảm lãi suất 3 lần trong 3 cuộc họp liên tiếp, với tổng mức giảm tròn 1 điểm phần trăm. Bước sang năm 2025, Fed đối mặt với một môi trường với độ bất ổn cao hơn, khi các chính sách của Tổng thống Donald Trump như áp thuế quan, giảm thuế trong nước và trục xuất người nhập cư trái phép có thể khiến lạm phát ở Mỹ cao dai dẳng.



CME FEDWATCH TOOL - AGGREGATED MEETING PROBABILITIES					
MEETING DATE	325-350	350-375	375-400	400-425	425-450
19/03/2025	0.00%	0.00%	0.00%	18.00%	82.00%
07/05/2025	0.00%	0.00%	0.00%	50.44%	49.56%
18/06/2025	0.00%	0.00%	0.00%	99.33%	0.67%
30/07/2025	0.00%	0.00%	20.00%	80.00%	0.00%
17/09/2025	0.00%	0.00%	48.83%	51.17%	0.00%
29/10/2025	0.00%	0.00%	67.00%	33.00%	0.00%
10/12/2025	0.00%	0.00%	86.36%	13.64%	0.00%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



ECB hạ lãi suất lần thứ 5 về mức thấp nhất 2 năm

Trong một quyết định có sự nhất trí của 100% thành viên hội đồng thống đốc ECB, cơ quan này giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm về mức 2,75%. Động thái này diễn ra chỉ vài giờ sau khi cơ quan thống kê Eurostat cho thấy nền kinh tế eurozone không hề tăng trưởng trong quý 4/2024.

Kể từ mùa hè năm ngoái đến nay, ECB đã hạ lãi suất 5 lần. Thị trường hoán đổi lãi suất dự báo ECB sẽ giảm lãi suất thêm 2-3 lần nữa, mỗi lần giảm 0,25 điểm phần trăm, trong năm nay.

ECB dự báo kinh tế eurozone chỉ đạt mức tăng trưởng 1,1% trong năm nay, tăng tốc nhẹ từ mức tăng 0,7% của năm ngoái. Nền kinh tế khu vực đi ngang trong quý 4 so với quý trước, không đạt mức dự báo tăng 0,1% mà giới phân tích đưa ra, sau khi tăng 0,4% trong quý 3. Trong đó, kinh tế Đức giảm 0,2% và kinh tế Pháp giảm 0,1%.

Giới phân tích và đầu tư cho rằng do khả năng ECB sẽ giảm lãi suất nhiều hơn so với Fed trong năm nay, đồng euro sẽ tiếp tục suy yếu so với USD, có thể về mức ngang giá với bạc xanh. “Câu hỏi bây giờ không phải là ECB có tiếp tục giảm lãi suất trong năm nay hay không, mà là giảm bao nhiêu”, nhà kinh tế trưởng Ulrich Kater của công ty DekaBank viết trong một báo cáo.

Bà Lagarde cho rằng việc Tổng thống Trump đe dọa áp thuế rộng rãi đối với hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ, bao gồm cả từ châu Âu, cùng với những biến động thương mại khác có thể ảnh hưởng đến Eurozone.

ECB đã cắt giảm lãi suất tiền gửi xuống 2,75%, hiện thấp hơn tỷ lệ lạm phát của Đức.



Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm đã giảm 3 tuần liên tiếp và mất 25 điểm cơ bản từ mức đỉnh

Tuy đồng USD tăng giá do mối lo về sự dai dẳng của lạm phát ở Mỹ, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ lại giảm trong tuần vừa rồi. Lợi suất của kỳ hạn 10 năm chốt tuần ở mức hơn 4,54%, từ mức 4,62% cách đó 1 tuần. Trong tháng 1, lợi suất của kỳ hạn này có lúc đạt 4,79%, cao nhất hơn 1 năm.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Chỉ số Dollar Index lấy lại đà tăng sau 2 tuần điều chỉnh liên tiếp

Trong khi Fed đưa ra quan điểm thận trọng đối với việc tiếp tục giảm lãi suất trong năm nay, ECB bày tỏ lo ngại về triển vọng kinh tế eurozone và phát tín hiệu tiếp tục giảm lãi suất. Sự trái chiều chính sách tiền tệ này là một nguyên nhân đưa đồng USD tăng giá mạnh. Chỉ số Dollar Index đo sức mạnh của bạc xanh so với một rổ gồm 6 đồng tiền chủ chốt khác tăng gần 1%, chốt tuần ở mức 108,2 điểm.



Giá dầu thô WTI giảm tuần thứ 2 liên tiếp

Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/01, hợp đồng dầu Brent lùi 11 xu xuống 76,76 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI mất 20 xu (tương đương 0,3%) còn 72.53 USD/thùng. Tuần vừa qua, hợp đồng dầu Brent và dầu WTI lần lượt giảm 2,42% và 2,85%, đánh dấu tuần giảm thứ 2 liên tiếp. Ông Trump nói mức thuế quan mà chính quyền của ông sắp áp lên dầu thô nhập khẩu từ Canada có thể giảm từ 25% về 10%. Ngoài ra, việc áp thuế quan đối với dầu thô và khí đốt có thể bắt đầu từ ngày 18/2 thay vì 1/2. Việc ông Trump áp thuế đối với dầu thô từ Canada và Mexico - hai nước xuất khẩu dầu thô sang Mỹ nhiều nhất - có thể dẫn tới sự trả đũa từ các quốc gia này và đẩy giá xăng ở Mỹ tăng lên.

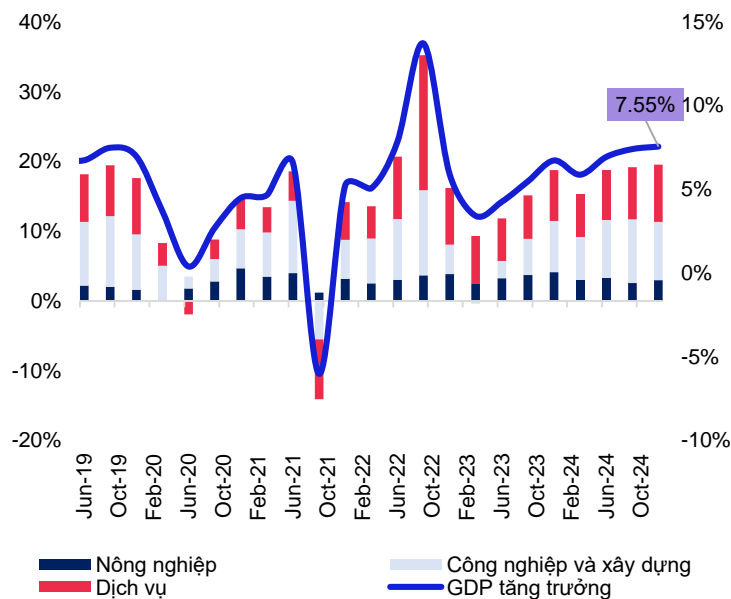


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Kinh tế vĩ mô trong nước

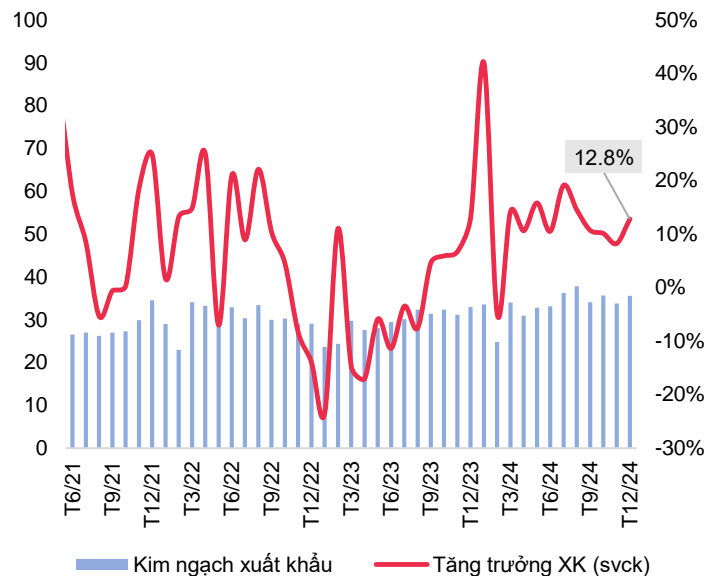
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2024 ước tính tăng 7.55% svck, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2017, 2018 trong giai đoạn 2011-2024. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.99%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8.35%; khu vực dịch vụ tăng 8.21%. GDP năm 2024 ước tính tăng 7.09% svck.
- Trong 12T24, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 405.53 tỷ USD, tăng 14.3% svck. Nhiều mặt hàng của Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh như: Sản phẩm từ sắt thép (+58.1% svck), xơ, sợi dệt các loại (+47.5% svck), sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ (+32.2% svck). Tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu đã cải thiện đáng kể so với tháng trước khi các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cuối năm, theo đó chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng 12 ước tăng 0.8% so với tháng trước và tăng 8.8% svck. Bên cạnh đó, chỉ số PMI tháng 12 cũng giảm xuống dưới mức 50 điểm lần đầu tiên trong 3 tháng, về mức 49.8 do số lượng đơn hàng mới tăng chậm hơn.

Tăng trưởng GDP theo từng nhóm ngành



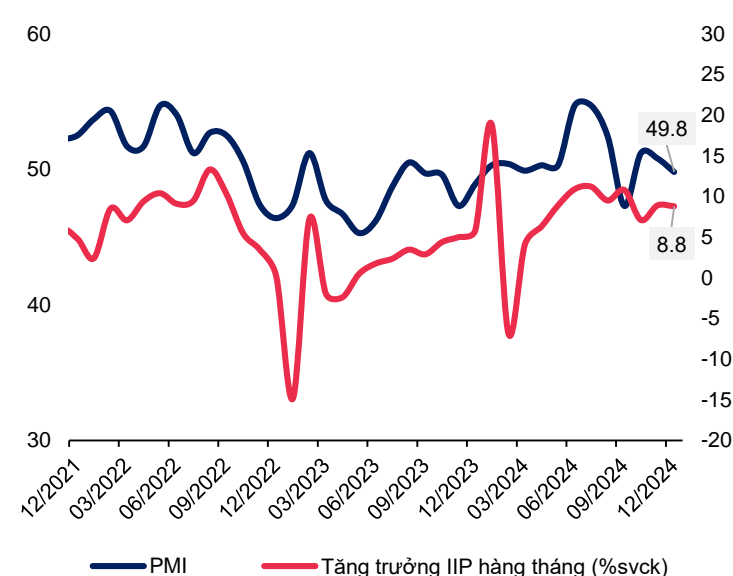
Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

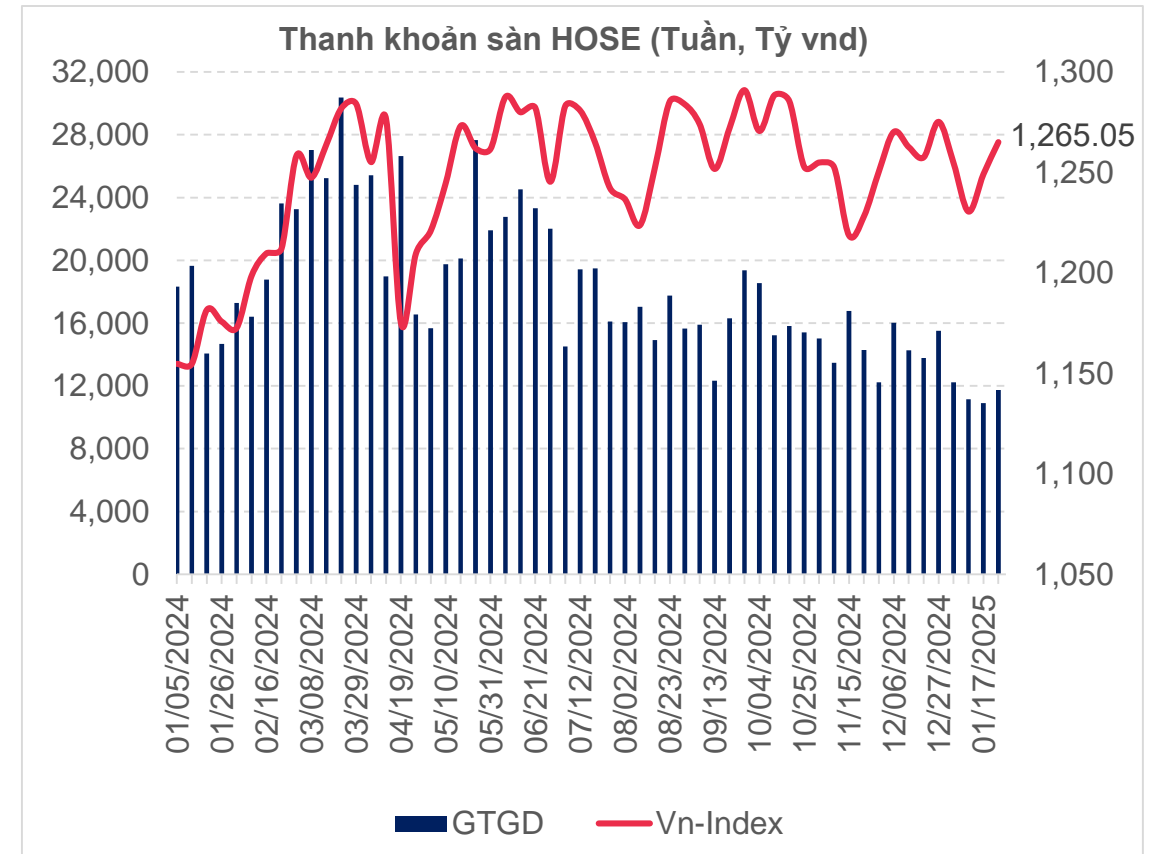
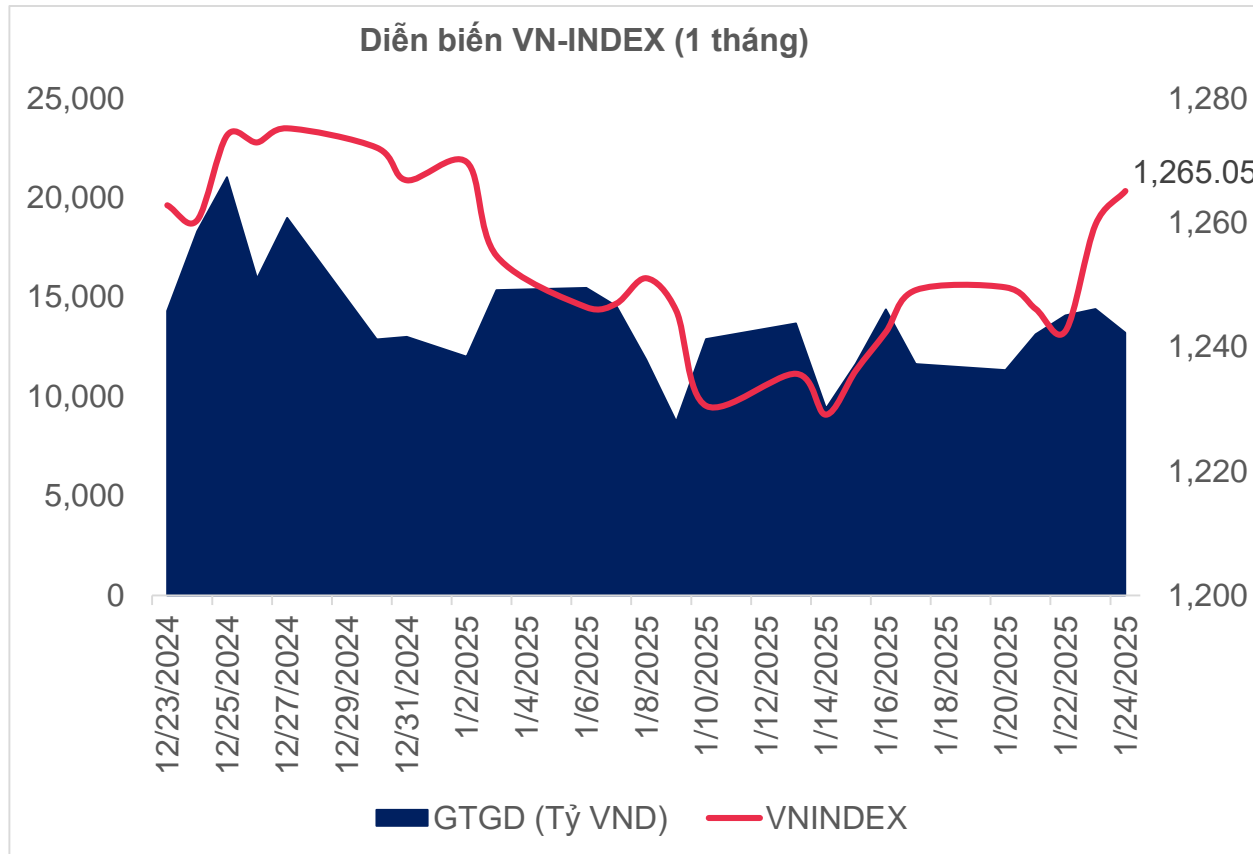
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Chỉ số Vn-Index phục hồi 2 tuần liên tiếp, lấy lại 45 điểm trên nền thanh khoản thấp nhưng mặt bằng cổ phiếu tăng trên diện rộng

Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở 1.265,05 điểm, tăng +15,94 điểm, tương đương tăng +1,28% so với tuần trước đó, đánh dấu tuần phục hồi thứ 2 liên tiếp và lấy lại 45 điểm. Thị trường hồi phục trên diện rộng, mức tăng chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu như: Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ, Logistics, Cao su tự nhiên, Viettel, Công nghệ, v.v...

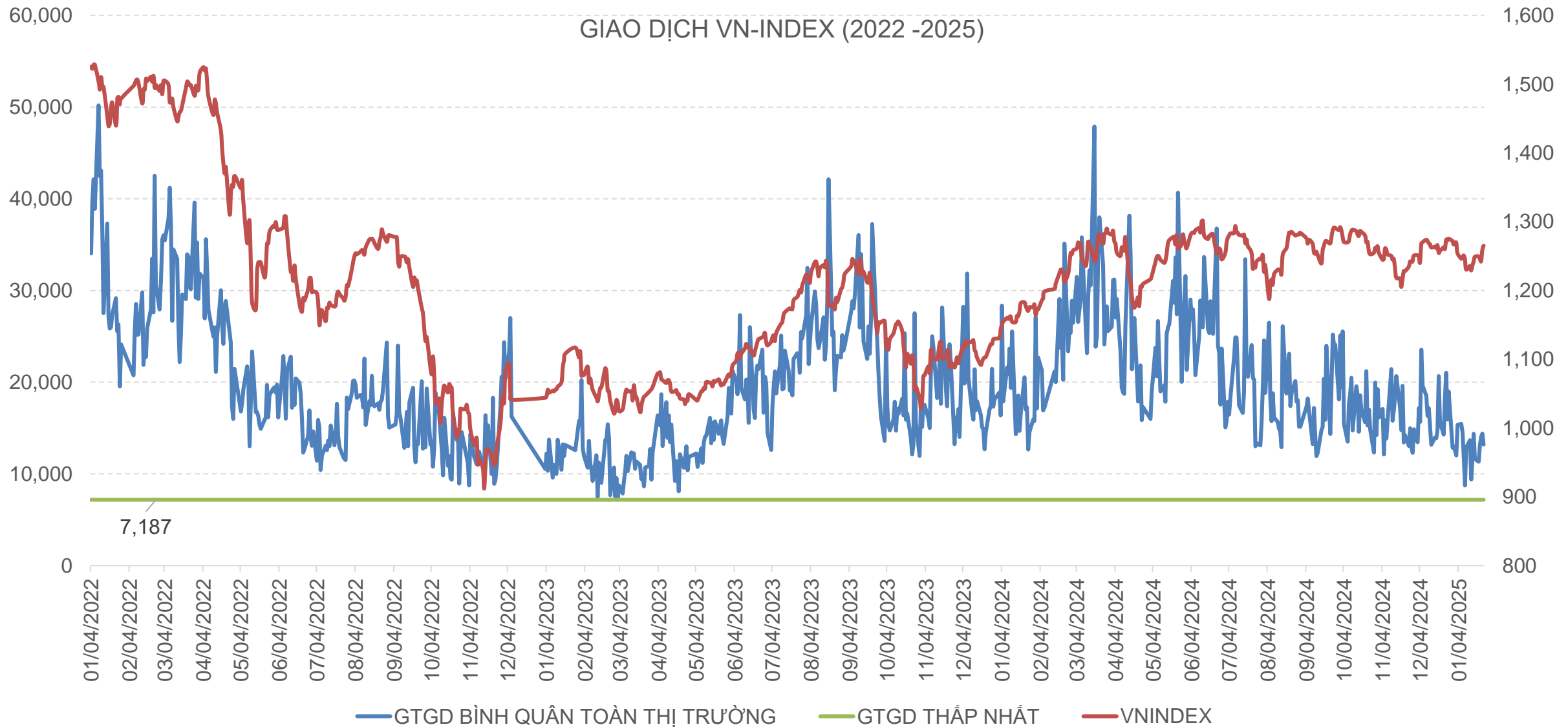
Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 13.223 tỷ đồng, tăng 8,9% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng 15% lên 10.957 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản toàn thị trường tháng 1 chỉ đạt 12.827 tỷ đồng, giảm 30,25% so với cùng kỳ và cũng giảm 22,31% so với tháng 12/2024.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



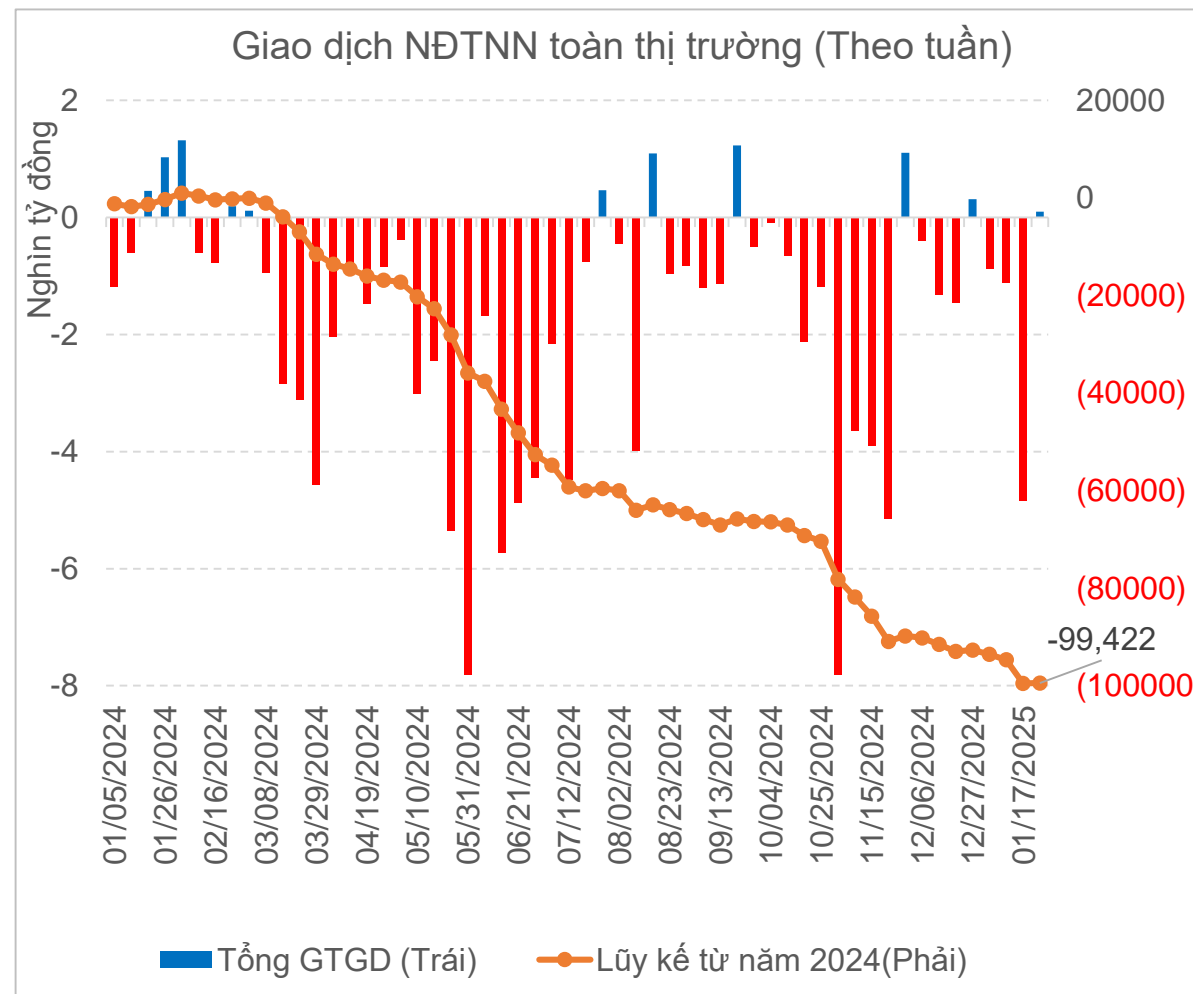
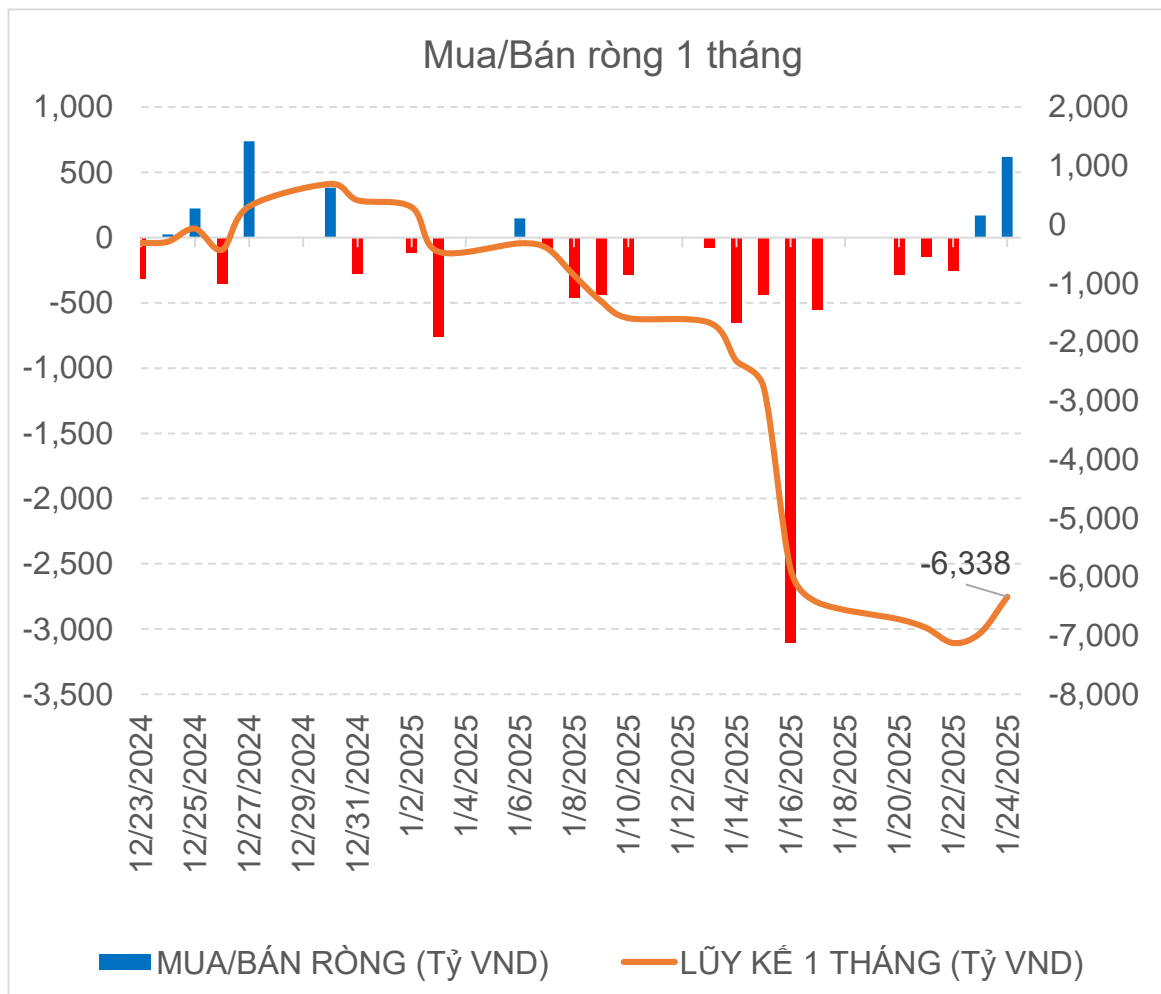
4 tuần liên tiếp thanh khoản bình quân toàn thị trường dưới ngưỡng 14.000 tỷ đồng đã khiến thanh khoản tháng 1 giảm hơn 30% vsck



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại mua ròng 2 phiên cuối tuần. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -6.753 tỷ đồng

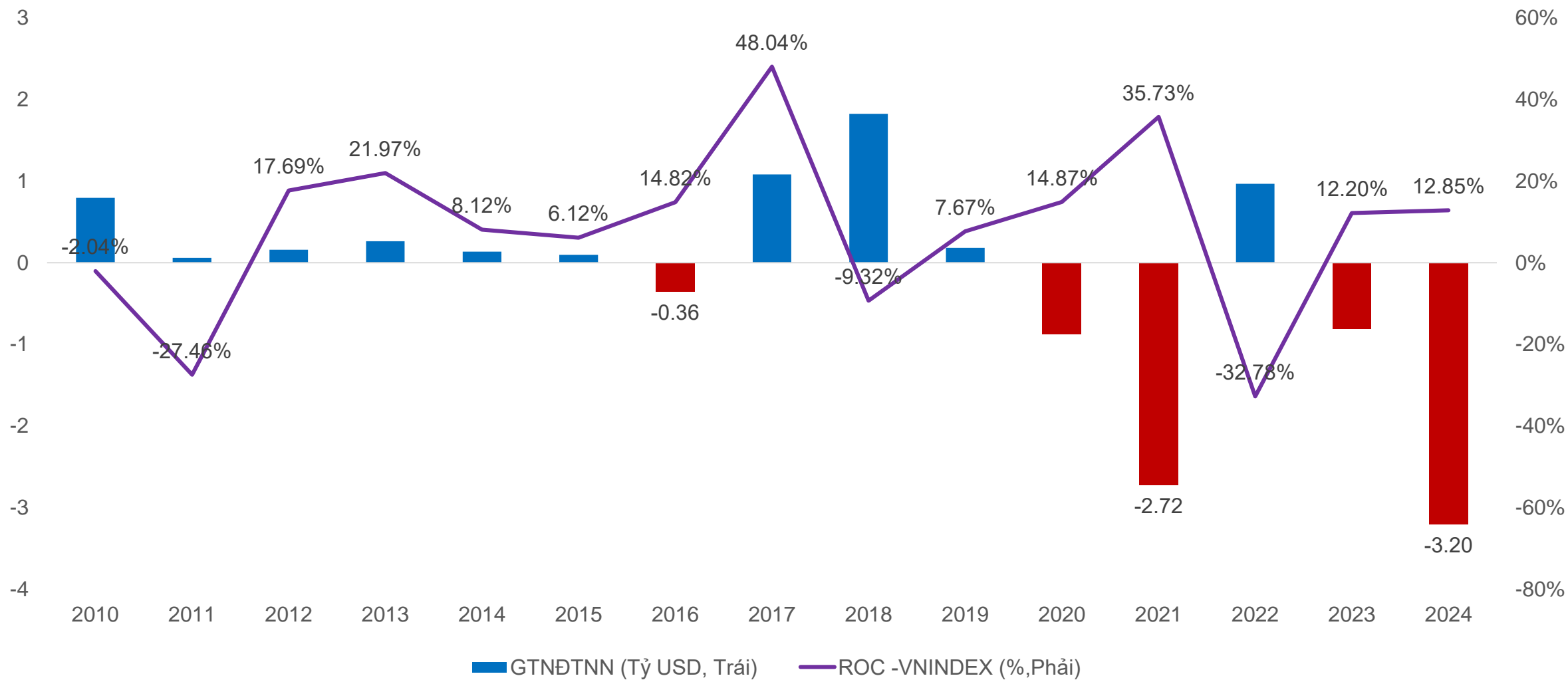


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng 4/5 năm vừa qua, cũng là 4/5 năm chỉ số Vn-Index tăng điểm. Năm 2024, khối ngoại bán ròng kỷ lục (3,2 tỷ USD)

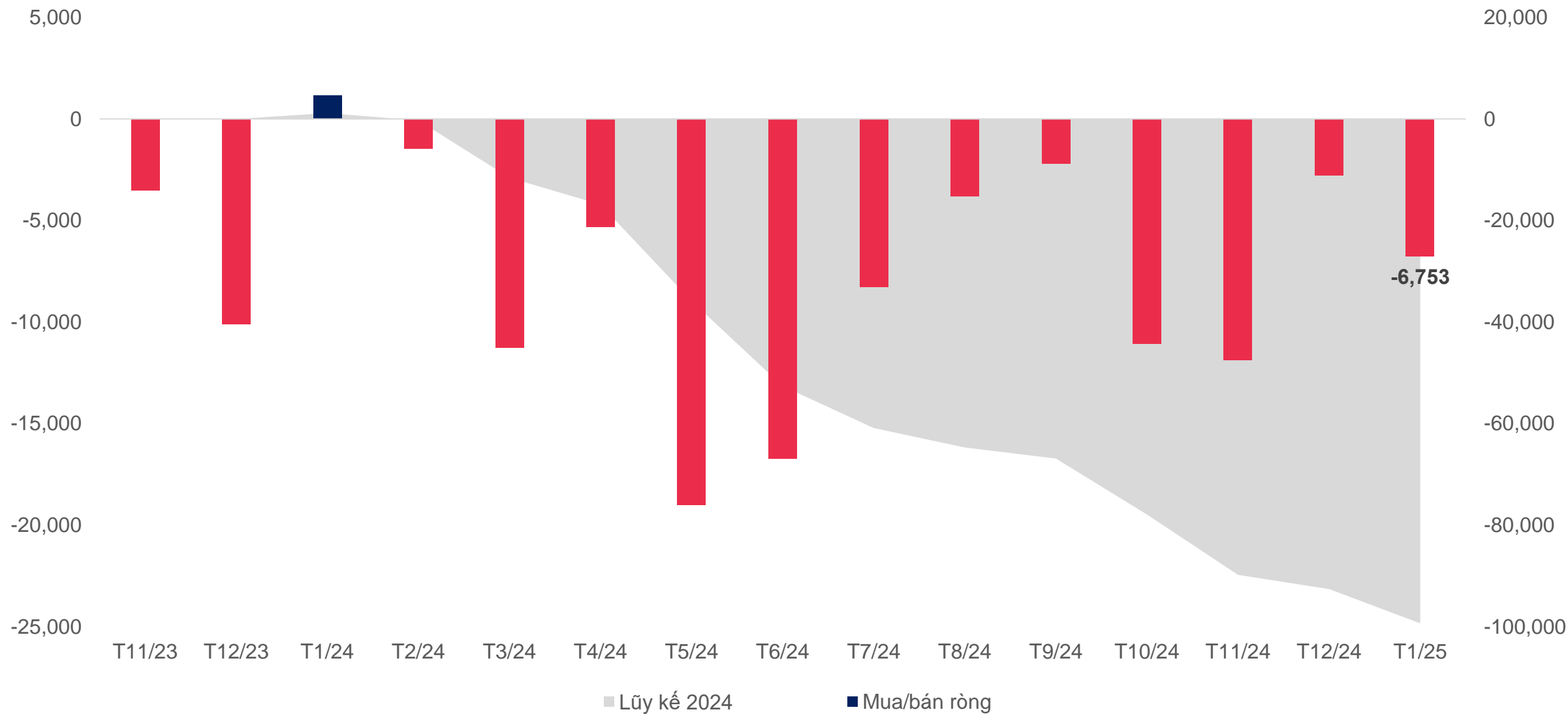
Giao dịch khối ngoại trên sàn HOSE và Vn-Index (2010 -2024)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Trong 20 tháng trở lại đây, khối ngoại duy nhất mua ròng tháng 1/2024 (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



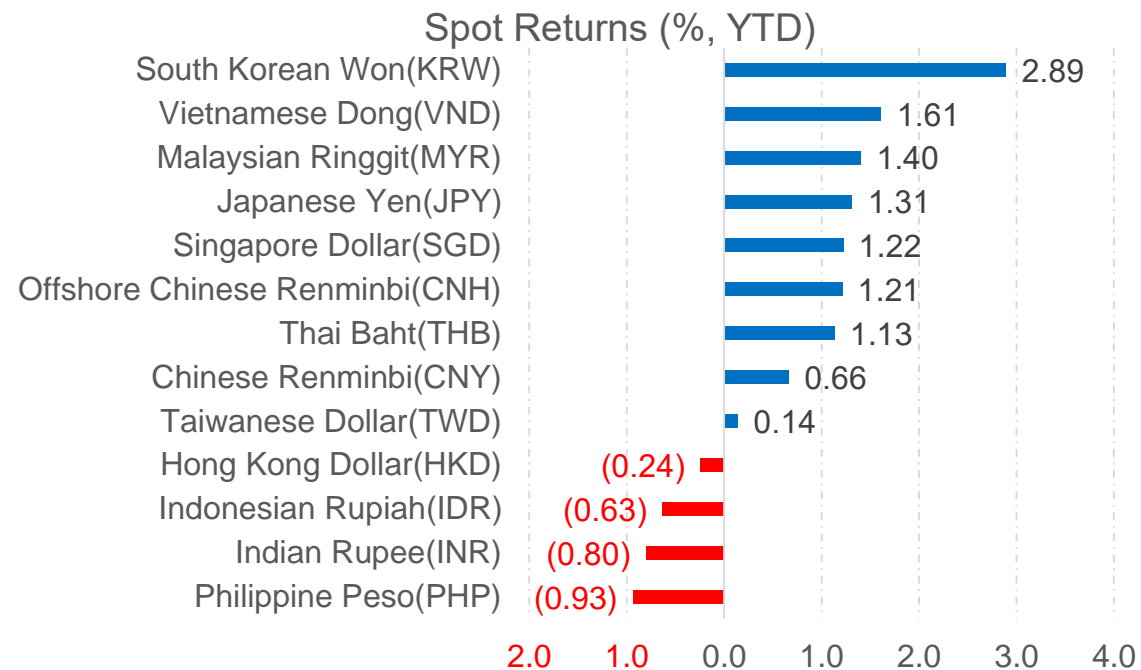
Mặc dù đồng tiền của nhiều thị trường Châu Á phục hồi so với đồng USD nhưng áp lực rút ròng từ dòng vốn ngoại vẫn tiếp diễn

Các ngân hàng trung ương trên khắp châu Á đang phải đối mặt với quyết định khó khăn sau khi khả năng Fed giảm lãi suất chậm lại trong năm 2025. Chỉ số tiền tệ châu Á của Bloomberg (Asia Dollar) đã giảm 4% trong năm 2024 và giảm 0,3% kể từ đầu năm 2025 với kỳ vọng thay đổi về chính sách của Fed đã thúc đẩy sự chuyển dịch sang nắm giữ đồng Đô la. Marcella Chow, chiến lược gia thị trường toàn cầu tại JPMorgan Asset Management cho biết: "Các ngân hàng trung ương châu Á có thể cần tập trung vào việc bảo vệ đồng nội tệ thay vì cắt giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế trong nước... Các ngân hàng trung ương vẫn có khả năng duy trì xu hướng nới lỏng".

Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	30-Sep-24			96,396	70,179	52,200	19,065
India	22-Jan-25	-349	-1,511	-6,459	-6,459	-6,459	-3,985
Indonesia	23-Jan-25	1	-21	-188	-188	-188	527
Japan	17-Jan-25		-423	1,092	1,092	1,092	-9,569
Malaysia	23-Jan-25	-38	-90	-519	-519	-519	-1,589
Philippines	23-Jan-25	-3	-15	-96	-96	-96	-569
S. Korea	23-Jan-25	-499	-745	-457	-457	-457	318
Sri Lanka	23-Jan-25	-2	-5	-6	-6	-6	-34
Taiwan	23-Jan-25	537	1,432	-724	-1,262	-724	-21,062
Thailand	23-Jan-25	-129	-61	-283	-283	-283	-3,686
Vietnam	23-Jan-25	6	-20	-281	-281	-281	-3,238

Đồng nội tệ của các nước Châu Á so với đồng USD (%)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



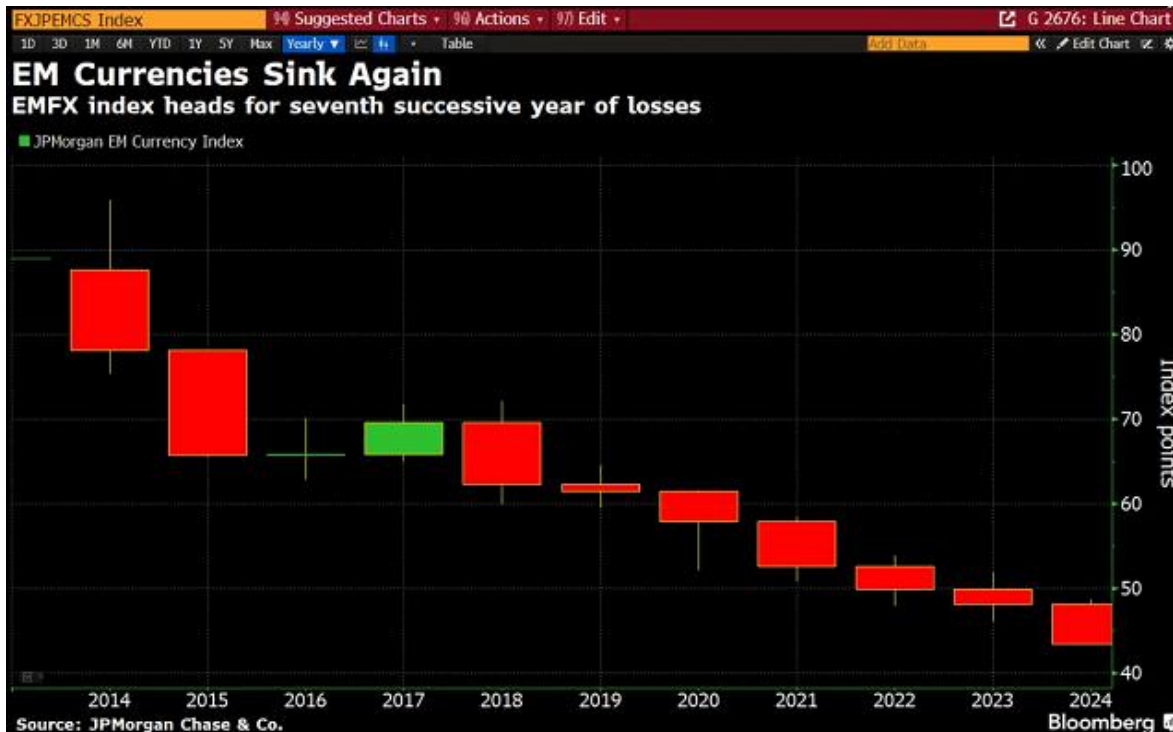
Kể từ đầu năm, các quỹ ETF vẫn bị rút ròng mạnh, trong đó VanEck (-13,78 triệu USD), DCVFMVN30 (-4,84 triệu USD), ...

	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	-1.00%	-1.00%	-12.04%	0.00	(13.78)	(55.07)	(13.78)	(70.12)
SSIAM VNFIN LEAD ETF	-3.62%	-3.62%	8.12%	0.00	(0.51)	(0.20)	(0.51)	(71.41)
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	-0.96%	-0.96%	-7.89%	(1.26)	(3.48)	(21.06)	(3.48)	(77.29)
DCVFMVN30 ETF Fund	-2.47%	-2.47%	11.60%	(0.36)	(7.52)	(18.88)	(4.84)	(97.01)
Fubon FTSE Vietnam ETF	-1.46%	-1.46%	-2.55%	(1.23)	(5.16)	(13.17)	(2.29)	(225.29)
DCVFMVN Diamond ETF	-3.61%	-3.61%	18.27%	(0.77)	2.79	(14.38)	2.13	(303.42)
MAFN VN30 ETF	-2.40%	-2.40%	12.46%	0.00	5.70	14.36	2.22	13.13
KIM Growth VN30 ETF	-1.56%	-1.56%	13.21%	0.00	0.00	1.34	0.00	40.54

Dòng vốn toàn cầu rời bỏ thị trường mới nổi sau hơn 10 năm thất vọng

Thị trường mới nổi đang chứng kiến một năm nữa trôi qua trong nỗi thất vọng của giới đầu tư. Không chỉ trong năm 2024, mà trong suốt thập kỷ qua, hy vọng "sang năm sẽ khá hơn" dường như ngày càng khó thuyết phục nhà đầu tư, đặc biệt khi viễn cảnh về các mức thuế quan và chiến tranh thương mại từ Donald Trump đang khiến nhiều nhà đầu tư cân nhắc việc rút lui hoàn toàn. Chỉ số tham chiếu MSCI Emerging Market tăng chưa đến 5% so với đầu năm, đánh dấu thêm một năm thua kém S&P 500. Nhìn lại 12 năm qua, có tới 11 năm thị trường mới nổi có hiệu suất kém hơn S&P 500. Trong giai đoạn này, cổ phiếu Mỹ mang lại cho nhà đầu tư tổng lợi nhuận khoảng 430%, gấp 10 lần so với cổ phiếu thị trường mới nổi. Điểm yếu cốt lõi của thị trường mới nổi nằm ở việc không thể vượt qua sức mạnh của đồng USD. Chỉ số tiền tệ thị trường mới nổi của JPMorgan Chase & Co. đang hướng tới năm thua lỗ thứ 7 liên tiếp.

Chỉ số tiền tệ thị trường mới nổi của JPMorgan Chase & Co. đang hướng tới năm thua lỗ thứ 7 liên tiếp.

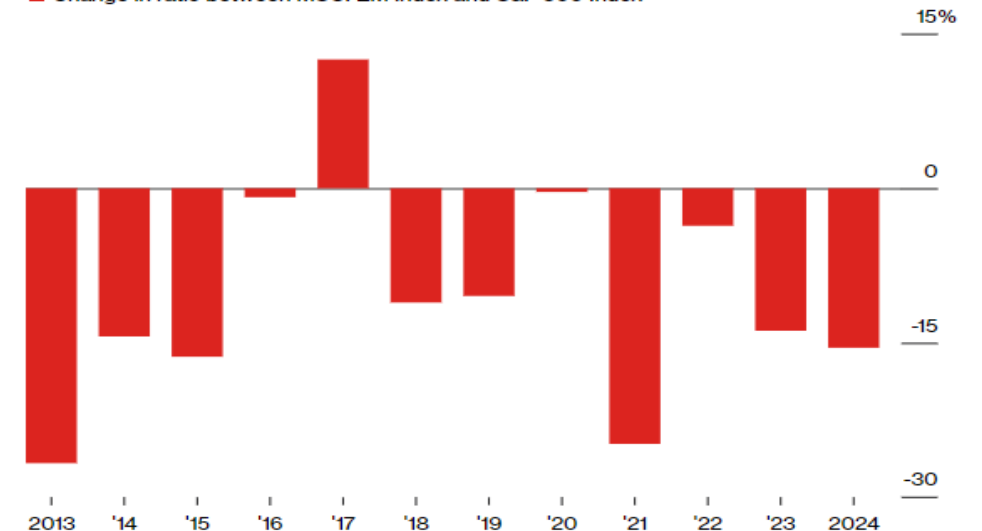


Nhìn lại 12 năm qua, có tới 11 năm thị trường mới nổi có hiệu suất kém hơn S&P 500

EM Stocks Are Perennial Laggards

MSCI benchmark has underperformed US in 11 of past 12 years

Change in ratio between MSCI EM Index and S&P 500 Index



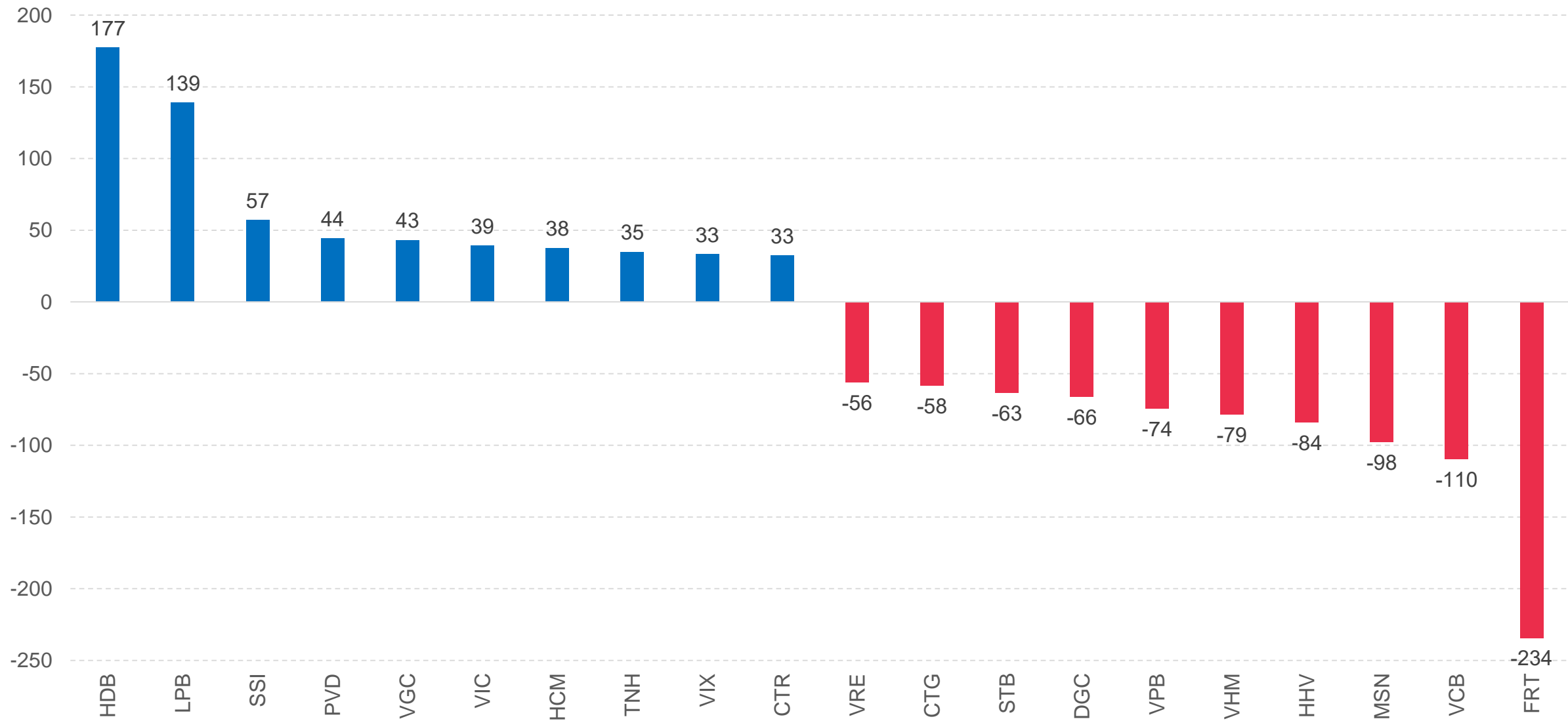
Source: Bloomberg

Note: Note: Data for 2024 through Dec. 18

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



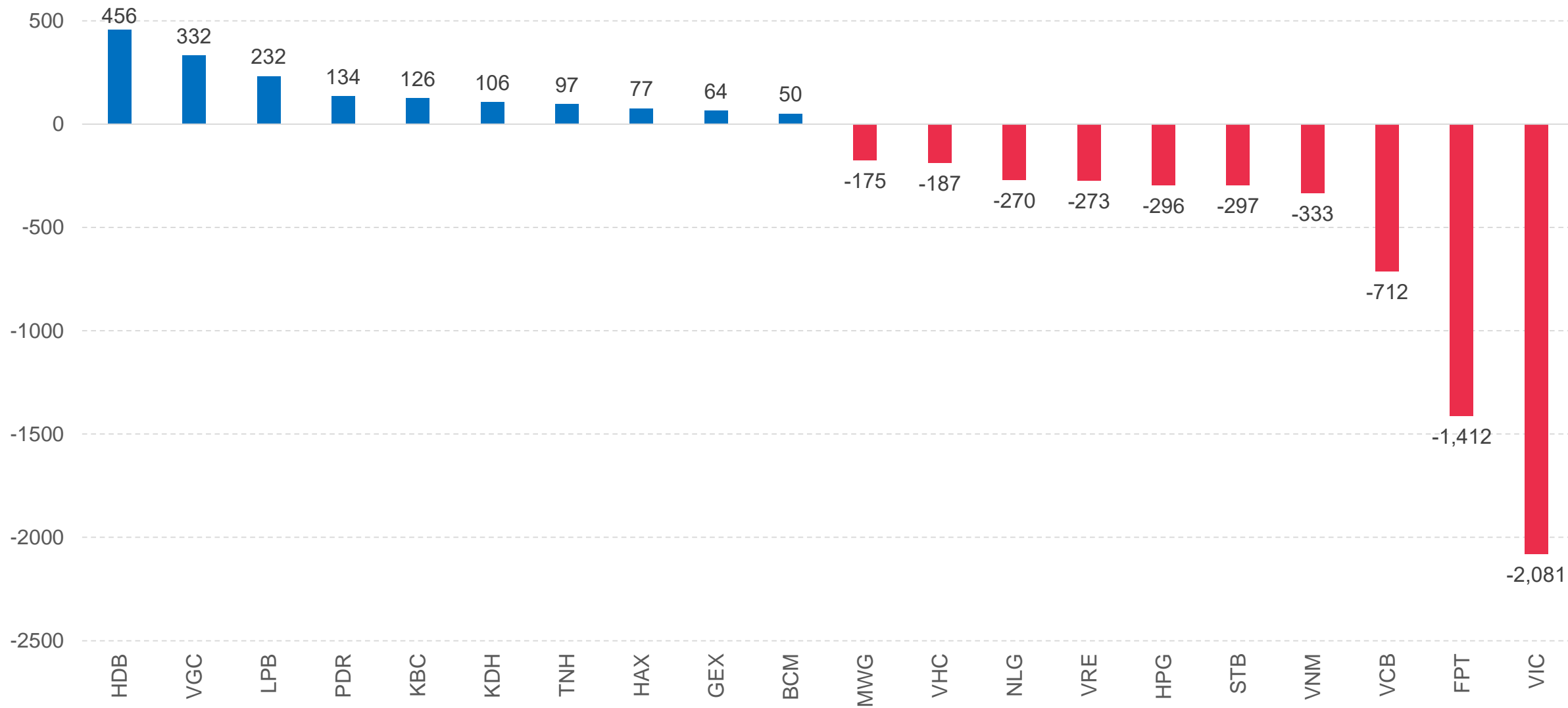
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE 1 tháng qua (Tỷ VND)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	01/24/2025	01/17/2025	01/10/2025	01/03/2025	12/27/2024
Dầu khí	27.0%	-10.7%	-6.6%	-14.3%	-4.2%
Ngân hàng	42.1%	-17.6%	-14.2%	-15.3%	71.0%
Chứng khoán	11.1%	-9.5%	2.4%	-9.8%	3.5%
Bất động sản	8.7%	-28.7%	-7.5%	-31.4%	18.6%
Dệt may	-4.8%	-36.6%	10.1%	-46.5%	4.4%
Bán lẻ	46.4%	-20.0%	-22.2%	1.2%	10.0%
Vingroup	-14.0%	24.8%	-7.1%	0.9%	-0.1%
Xây dựng & VLXD	-6.7%	-5.1%	4.9%	-19.5%	-8.9%
Thực phẩm	15.3%	-23.0%	23.6%	-14.4%	-2.5%
Thủy sản	69.6%	-45.7%	53.7%	-42.4%	18.5%
Logistics	-11.1%	41.3%	22.9%	-48.9%	22.7%
Dược phẩm	-4.5%	-8.9%	75.7%	-68.3%	29.3%
Sản xuất & PP Điện	45.0%	-26.4%	4.6%	-30.5%	9.6%
Đầu tư công	-24.2%	111.3%	8.2%	-29.8%	150.2%
Hóa chất	3.6%	-37.9%	-2.0%	-36.2%	32.4%
Cao su tự nhiên	158.5%	10.9%	-11.4%	-15.4%	19.7%
Bảo hiểm	-1.6%	-25.0%	-9.8%	-20.2%	26.8%
Ô tô và phụ tùng	12.6%	-29.8%	-22.0%	-1.6%	-8.3%
Dịch vụ	-0.7%	1.8%	-32.6%	-19.0%	15.7%
BDS KCN	-7.2%	0.2%	30.3%	-18.1%	35.7%
Viettel	24.6%	-40.2%	18.9%	4.5%	30.7%
Du lịch	44.7%	-51.4%	-53.9%	16.5%	182.8%
Công nghệ	11.0%	2.6%	-5.4%	12.3%	-31.9%
Đường	99.6%	-19.7%	-14.5%	4.1%	-23.2%

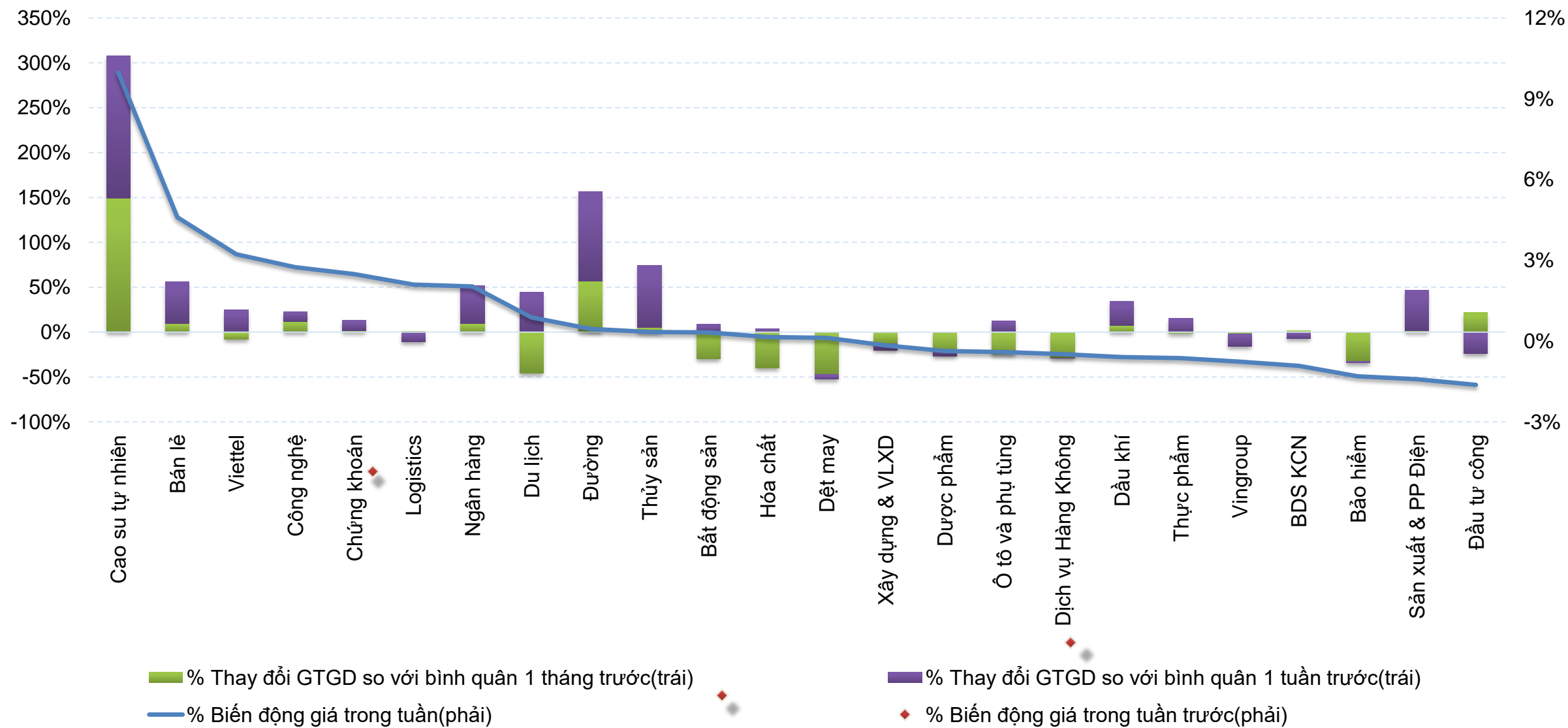
Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	01/24/2025	01/17/2025	01/10/2025	01/03/2025	12/27/2024
Dầu khí	3.2%	2.9%	2.9%	3.0%	2.9%
Ngân hàng	28.9%	23.5%	25.0%	28.2%	27.2%
Chứng khoán	10.1%	10.5%	10.2%	9.6%	8.7%
Bất động sản	7.0%	7.4%	9.1%	9.5%	11.4%
Dệt may	1.1%	1.4%	1.9%	1.7%	2.6%
Bán lẻ	5.6%	4.4%	4.8%	6.0%	4.8%
Vingroup	3.4%	4.6%	3.2%	3.4%	2.7%
Xây dựng & VLXD	5.8%	7.1%	6.6%	6.1%	6.2%
Thực phẩm	4.5%	4.5%	5.1%	4.0%	3.8%
Thủy sản	1.0%	0.7%	1.1%	0.7%	1.0%
Logistics	2.2%	2.9%	1.8%	1.4%	2.2%
Dược phẩm	0.6%	0.7%	0.7%	0.4%	0.9%
Sản xuất & PP Điện	1.1%	0.9%	1.0%	1.0%	1.1%
Đầu tư công	4.2%	6.3%	2.6%	2.3%	2.7%
Hóa chất	3.6%	4.0%	5.6%	5.6%	7.1%
Cao su tự nhiên	0.7%	0.3%	0.3%	0.3%	0.3%
Bảo hiểm	0.5%	0.5%	0.6%	0.7%	0.7%
Ô tô và phụ tùng	0.2%	0.2%	0.3%	0.3%	0.3%
Dịch vụ	1.5%	1.8%	1.5%	2.2%	2.2%
BDS KCN	3.4%	4.2%	3.7%	2.7%	2.7%
Viettel	3.9%	3.6%	5.3%	4.3%	3.3%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.1%	0.0%
Công nghệ	7.1%	7.4%	6.3%	6.4%	4.7%
Đường	0.5%	0.3%	0.3%	0.4%	0.3%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



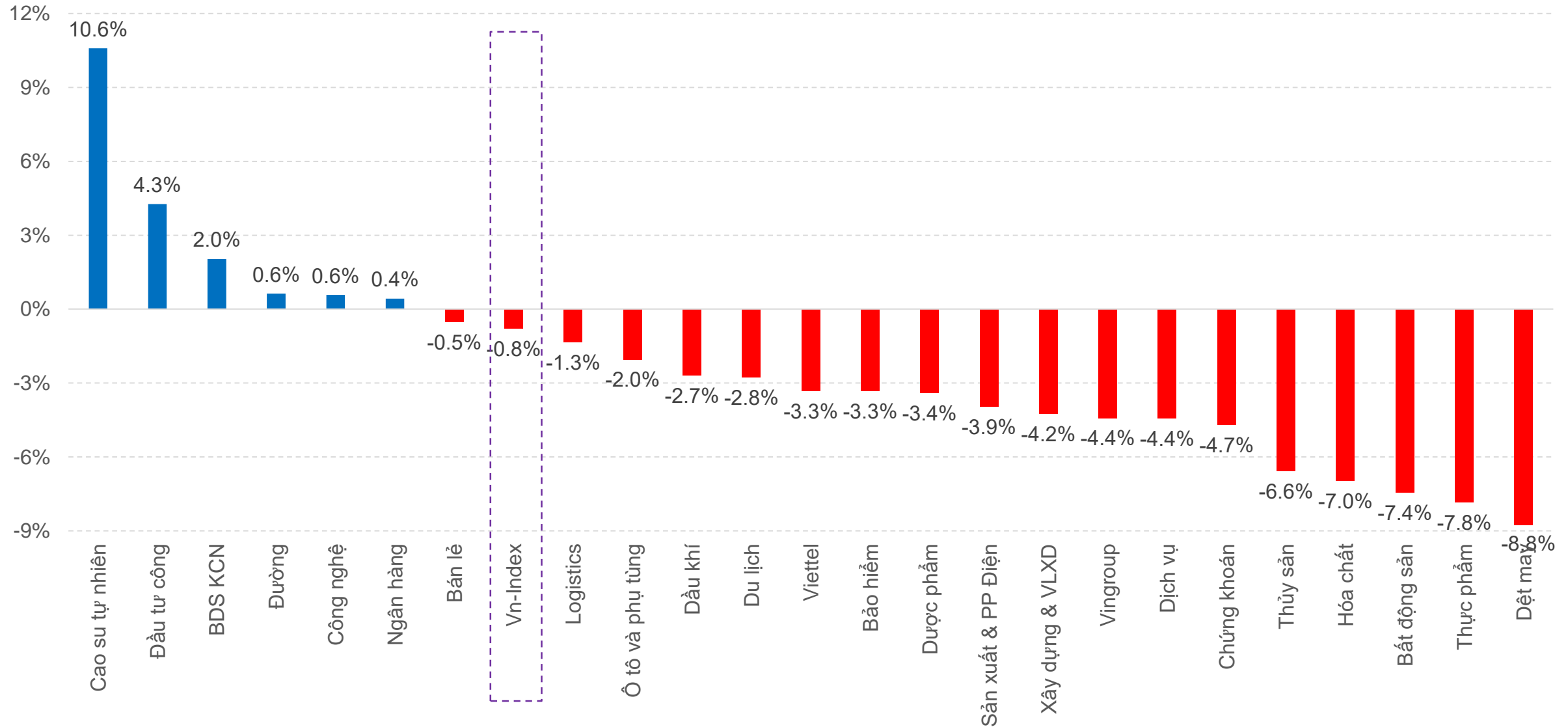
Biến động giá và dòng tiền theo nhóm ngành



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



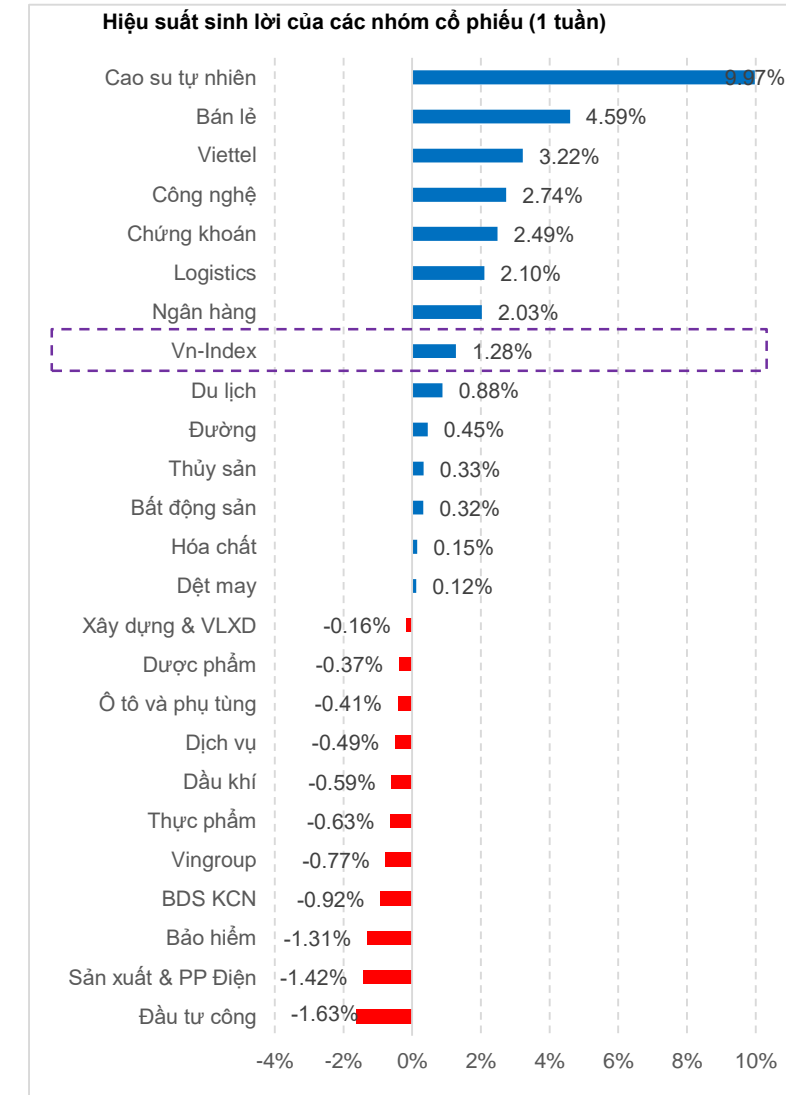
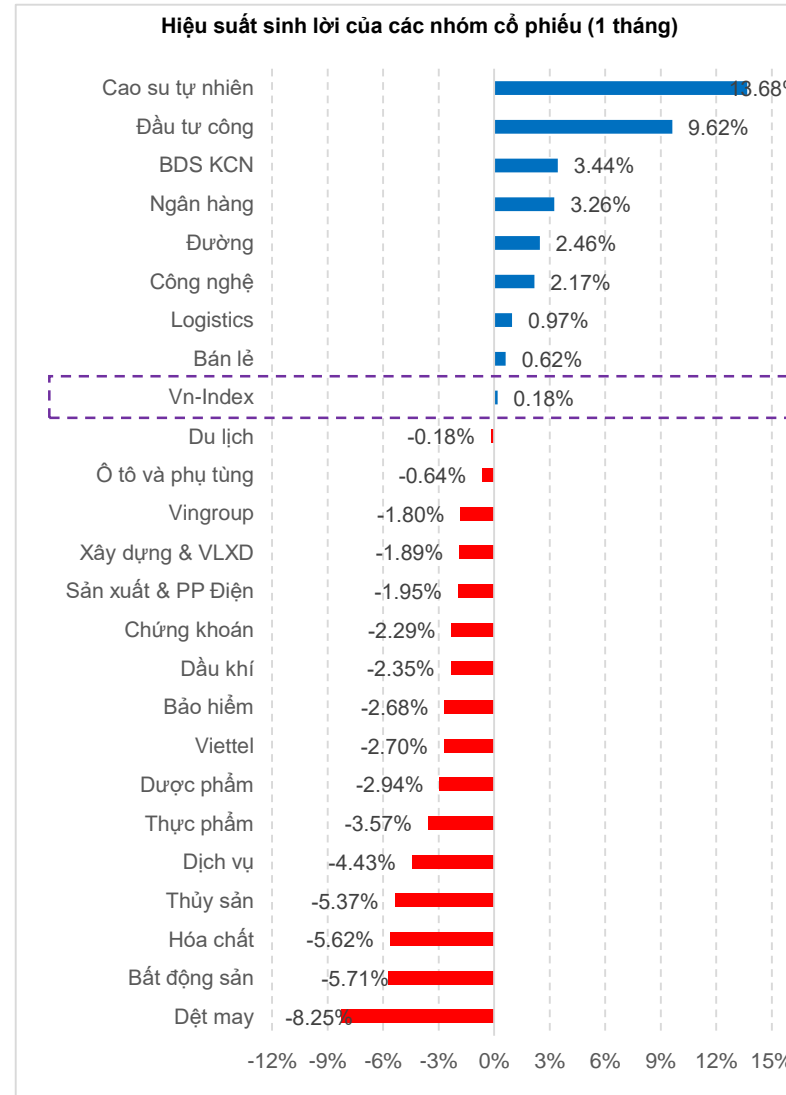
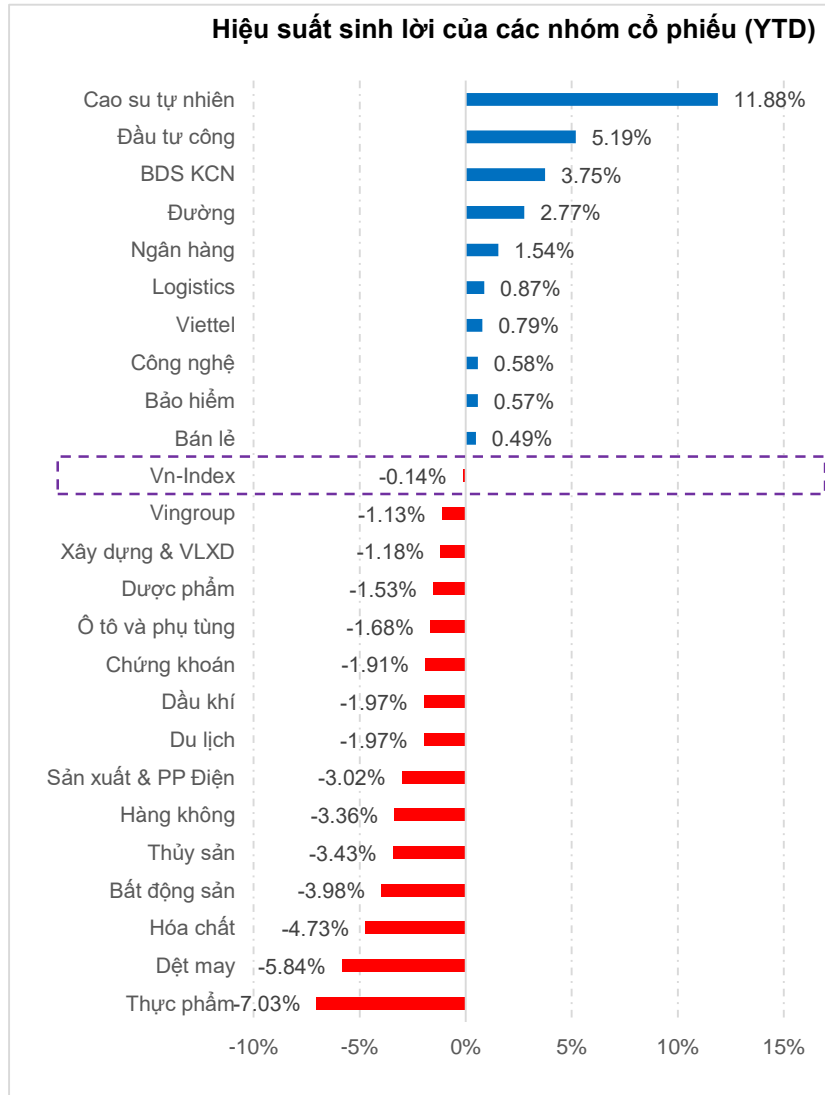
So với đỉnh tháng 12/2024 khi Vn-Index chạm tới 1.280 điểm, một số nhóm cổ phiếu hiện đã vượt ngưỡng này



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)

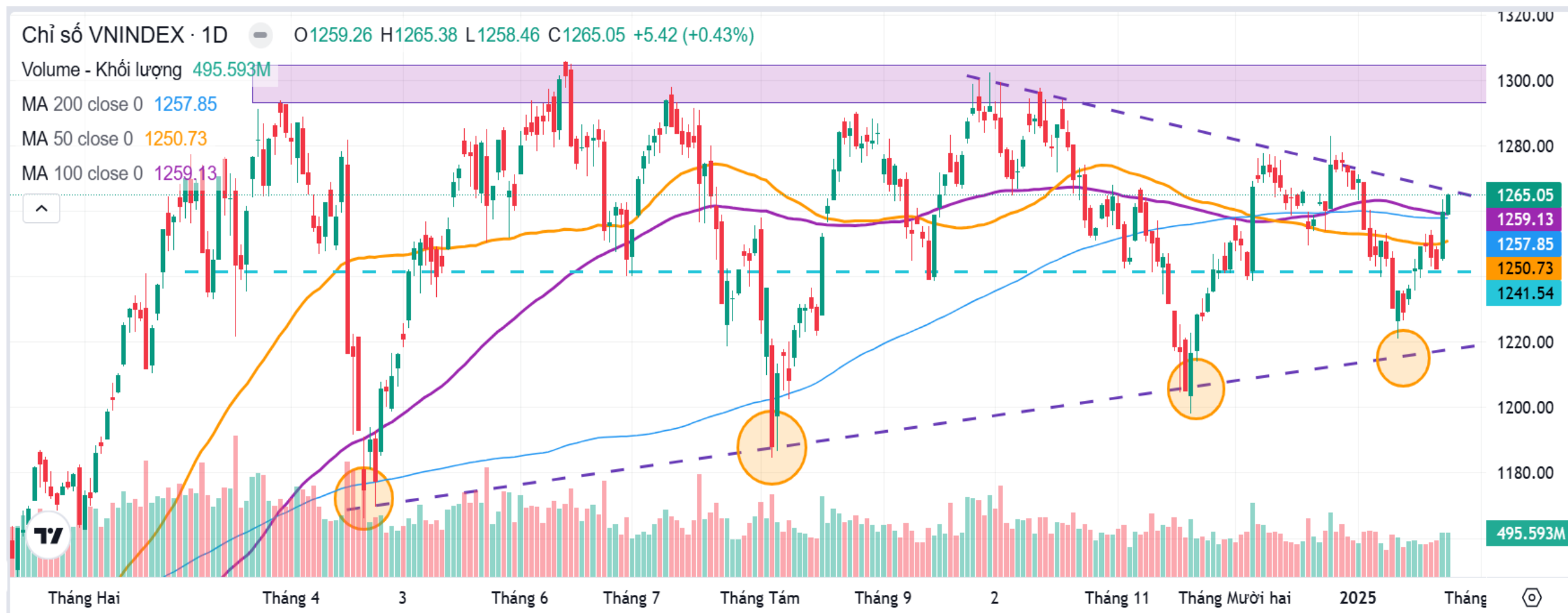


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Vn-Index đang gặp cản ở trendline giảm kể từ tháng 10 và 2 đỉnh ở tháng 12, trong vùng 1.265 – 1.275 điểm

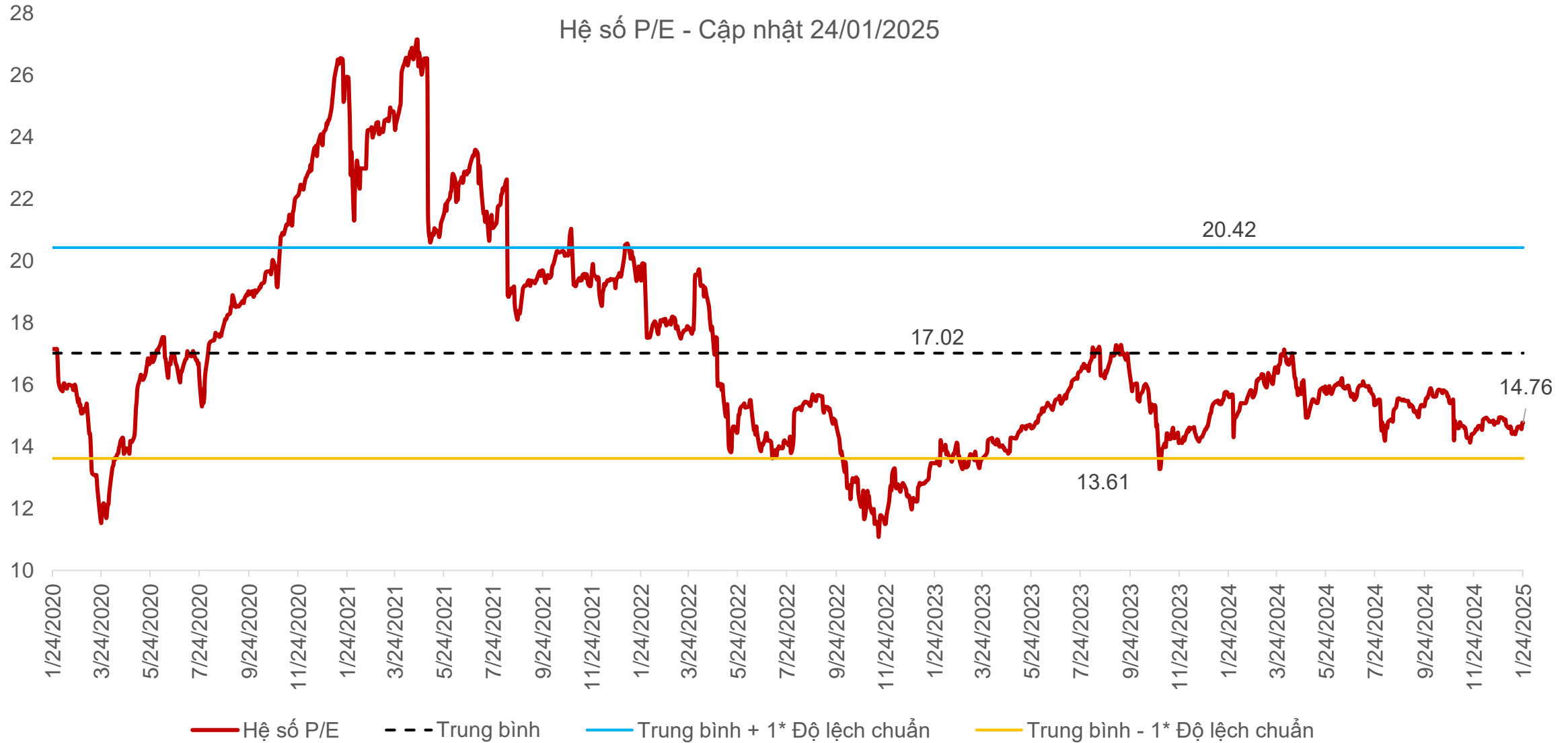
Đồ thị kỹ thuật ngày của chỉ số Vn-Index: Chỉ số Vn-Index có vùng hỗ trợ ở khu vực 1.240 điểm hoặc cận dưới cụm MA (1.250 điểm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)



👉 Ưu điểm vượt trội:

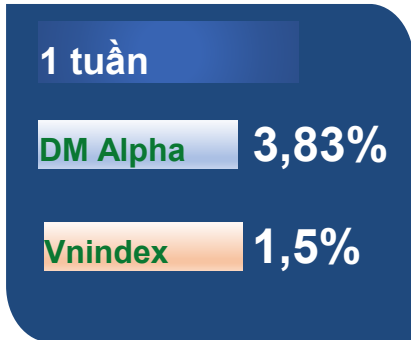
- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha

Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	HPG	25,400	11/20/2024	29,000	23,300	14.17%	-8.27%	40	1/17/2025	26,500	4.33%
2	REE	68,000	12/3/2024	75,000	61,000	10.29%	-10.29%	31	1/17/2025	66,700	-1.91%

HPG Doanh thu tăng 19% svck lên mức 34,300 tỷ VNĐ nhờ sản lượng tăng trưởng 14% svck và mảng nông nghiệp cải thiện 20% svck Biên LN gộp tăng lên mức 14% (+1.5 điểm % svck và 1 điểm % QoQ) nhờ giá nguyên liệu than và quặng giảm mạnh 8% và 9% svck so với giá bán chỉ giảm 6% svck. Doanh thu tài chính giảm 25% svck về mức 528 tỷ VNĐ trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức thấp.

Chi phí tài chính giảm 40% svck đạt mức 832 tỷ VNĐ nhờ áp lực tỷ giá và lãi vay hạ nhiệt. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng đạt 720 tỷ VNĐ (+30% svck) do áp lực tăng đến từ chi phí vận tải. Chi phí QLDN tăng nhẹ 5% svck lên mức 321 tỷ VNĐ.

Nhờ biên gộp tiếp tục cải thiện, LN ròng của HPG tăng 51% svck lên mức 3,021 tỷ VNĐ. Lũy kế 9T/24, LN ròng đạt 9,212 tỷ (+138% svck và đạt 92% kế hoạch LN cả năm).

Tiến độ hiện tại của DQ2: DQ2 đã gần như hoàn thành lắp đặt các dây chuyền chính của phân kì 1 và đạt 50% của phân kì 2. Lò cao đầu tiên sẽ chạy thử từ Q4/24 và phân kì 2 dự kiến sẽ hoàn thành vào Q4/25.

REE LN ròng Q3/24 tăng 7% svck, hỗ trợ bởi LN thủy điện cải thiện từ nền thấp, bù đắp cho đà giảm ở hầu hết các mảng kinh doanh cốt lõi. LN ròng 9T24 giảm 22% svck, thấp hơn so với kỳ vọng hoàn thành 63% dự phóng cả năm của chúng tôi. Thủy điện phục hồi cùng triển vọng mảng BĐS dự kiến hỗ trợ LN ròng 2025-26 tăng trưởng kép 15% sau khi ghi nhận LN ròng giảm 7.7% trong 2024.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		1.51	(1.16)	(1.39)
1	VCB	518.11	1.20	(0.64)	1.43
2	BID	271.76	1.02	2.20	5.19
3	VGI	262.38	3.40	(2.44)	(3.93)
4	ACV	260.15	2.08	2.08	(2.70)
5	FPT	215.51	1.15	(0.60)	(2.30)
6	CTG	197.62	(0.80)	2.62	(1.59)
7	TCB	168.50	4.27	0.41	(1.01)
8	HPG	168.22	3.72	(1.85)	(0.56)
9	VHM	164.30	0.25	(2.08)	0.25
10	MCH	160.87	(2.63)	1.18	(11.45)
11	GAS	156.72	0.15	1.91	(1.91)
12	VIC	154.67	(0.12)	(0.61)	(0.25)

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
13	VPB	145.98	(0.27)	(3.40)	(3.91)
14	MBB	130.59	1.65	2.68	(1.41)
15	VNM	129.37	1.14	(3.87)	(2.21)
16	GVR	113.80	2.68	(7.85)	(5.27)
17	ACB	111.00	1.01	(0.80)	(3.29)
18	MSN	95.36	0.61	(7.31)	(5.86)
19	LPB	93.95	5.63	12.49	2.08
20	MWG	84.47	0.35	(5.41)	(5.41)
21	MVN	82.84	20.39	63.04	36.12
22	HDB	75.84	4.17	(5.26)	(11.76)
23	BCM	71.73	(1.14)	1.76	(2.40)
24	SAB	69.26	(0.37)	(3.44)	(3.78)
25	BSR	67.90	(5.26)	8.00	(5.26)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 50 cổ phiếu theo vốn hóa

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	VNINDEX		1.51	(1.16)	(1.39)
26	STB	66.83	1.56	4.84	(3.12)
27	VIB	58.69	2.85	2.85	0.76
28	HVN	58.57	0.93	(1.10)	(5.58)
29	VJC	53.57	0.41	(2.94)	(1.00)
30	VEA	51.96	1.03	2.08	(1.26)
31	PLX	50.82	4.99	3.36	6.67
32	SSB	50.46	2.87	3.47	6.87
33	SSI	47.87	3.59	(5.94)	(5.76)
34	FOX	47.08	4.53	4.42	2.27
35	TPB	42.40	1.57	(0.31)	(3.00)
36	DGC	41.70	(0.18)	(4.94)	(5.83)
37	BVH	38.01	5.45	(0.19)	2.96

STT	MCK	Vốn hóa (Nghìn tỷ đồng)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
38	VRE	37.61	(1.78)	(4.34)	(3.50)
39	SHB	37.17	0.49	(1.92)	(0.49)
40	KDH	34.73	1.18	(0.58)	(4.71)
41	EIB	34.09	1.10	(5.67)	(5.18)
42	PNJ	32.10	1.49	(3.05)	(2.76)
43	REE	30.90	3.73	0.76	(1.77)
44	KSV	28.44	14.21	105.36	39.72
45	VEF	28.31	4.14	1.70	0.93
46	MSB	28.21	0.46	(5.63)	(6.44)
47	POW	27.75	0.86	(5.24)	(2.08)
48	OCB	26.14	0.95	(2.29)	(6.58)
49	GMD	25.34	0.00	(5.78)	(4.91)
50	SSH	25.28	1.35	1.05	0.90

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đình Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

Nguyễn Đức Hào

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng